



Mục lục

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

3 ĐINH XUÂN DŨNG:

Đặc trưng của "nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"

12 NGUYỄN DOÃN VĂN:

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hà Nội

22 ***

50 năm xây dựng và phát triển văn hóa, con người Thành phố Hồ Chí Minh

34 PHẠM DUY ĐỨC:

Những thành tựu nổi bật thể hiện vai trò lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa giai đoạn 1975 - 2025

47

LÊ THỊ THU HIỀN:
Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc trong 50 năm qua

62

NGUYỄN ĐÌNH BẰNG:
"Quốc hội Việt Nam chỉ là công cụ của Đảng Cộng sản" - một luận điệu xuyên tạc lỗ bịch



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ĐẶC TRƯNG CỦA "NỀN VĂN HÓA TIỀN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC"

● GS, TS ĐÌNH XUÂN DŨNG

1. Lịch sử văn hóa Việt Nam hiện đại và những bước phát triển tư duy lý luận

Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời (1930) đến nay đã gần 100 năm. Trong gần 100 năm đó, văn hóa hiện đại Việt Nam vận động và phát triển mạnh mẽ, phong phú, phức tạp và có cả những thời điểm thăng trầm khó tránh khỏi khi thực tiễn lịch sử xã hội biến động, biến đổi với những bước ngoặt lớn và khi bản thân văn hóa có nhu cầu nội tại đổi mới để phát triển. Do đặc điểm bao quát đó của văn hóa mà cần xác định rằng, luận điểm xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam “tiền tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” không phải chi phối và định hướng phát triển cho toàn bộ nền văn

hóa Việt Nam gần 100 năm qua. Mặt khác, sự lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa cũng qua nhiều bước với nhiều thử thách, tìm tòi và xác định. Tư duy lý luận của Đảng về văn hóa cũng phải trải qua một quá trình không hề dễ dàng để từng bước, từng giai đoạn có những tổng kết từ thực tiễn để từ đó định hướng cho sự phát triển của văn hóa. Các bước phát triển đã đạt được những *kết quả, thành tựu rõ rệt*, đồng thời cũng bộc lộ *những hạn chế khó tránh khỏi*. Đó là sự thật lịch sử không nên, không thể né tránh, nhất là khi dân tộc chúng ta hiện nay đang bước vào một thời kỳ lịch sử mới đòi hỏi “tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới”, “khơi dậy khát vọng phát triển



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng với các đại biểu dự Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng _ Nguồn: thanhnien.vn

đất nước”, “phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước *phát triển* theo định hướng XHCN” (Văn kiện Đại hội XIII-2021) - Một mục tiêu cao chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Một thách thức lớn lao đối với toàn dân tộc. Từ cách đặt vấn đề như vậy, chúng ta nhìn lại chặng đường gần 100 năm qua và cố gắng chỉ ra những bước phát triển, định hướng chỉ đạo của Đảng đối với văn hóa. Có thể chỉ ra 5 dấu mốc quan trọng sau đây.

1.1. Đề cương về văn hóa Việt Nam với luận điểm: Xây dựng nền văn hóa *tân dân chủ về nội dung và dân tộc về hình thức*. Có lẽ, cần làm rõ cơ sở thực tiễn và lý luận của luận điểm này vào thời kỳ 1943. Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 2 đang diễn ra ác liệt - Chế độ độc tài phát xít đã làm cả thế giới rơi vào thảm họa chưa từng có, đồng thời cuộc đấu tranh cho dân chủ mới bùng lên mạnh mẽ. Văn hóa với nội dung “tân dân chủ” thành trào lưu rộng lớn chống phát xít. Ở trong nước,

những biểu hiện của văn học nô dịch, văn hóa phong kiến lỗi thời đang tồn tại và có “đất sống”, đồng thời những mầm mống của văn hóa dân chủ, văn hóa cách mạng đang xuất hiện. Tuy trong điều kiện ngặt nghèo của hoạt động bí mật, tài liệu thiếu thốn nhưng với sự nhạy cảm, nắm bắt xu thế vận động của văn hóa Việt Nam, “Đề cương về văn hóa 1943” đã xác định hướng phát triển phải là “tân dân chủ”, tạo nên một bước ngoặt của sự phát triển văn hóa những năm sau, đặc biệt là văn hóa kháng chiến mà nội dung cơ bản của nó là nhân dân, là dân chủ, là “kháng chiến hóa văn hóa”. Tuy Đề cương đề cập đến yêu cầu “dân tộc” của văn hóa là một *định hướng đúng và đúng*, hoàn toàn phù hợp với *bản chất* của mọi nền văn hóa chân chính, song cụm từ “*dân tộc về hình thức*” trong Đề cương có phần hạn hẹp, không thể hiện đầy đủ yêu cầu về phẩm chất dân tộc của văn hóa. Có lẽ, luận điểm này vận dụng quan điểm trong “*Điều lệ Hội nhà văn Liên Xô*” (1934) khi nói văn học đa dân tộc của Liên bang Xô Viết phải “*dân tộc về hình thức*”. Hạn chế lịch sử như vậy là điều khó tránh khỏi khi thực tiễn

những năm 1940-1943 đang trong một sự biến động khó lường và khi Đảng đang trong tình trạng hoạt động bí mật.

1.2. Mười bảy năm sau, tại Đại hội Đảng lần thứ III (1960), khi 1/2 đất nước đã được giải phóng, miền Bắc hào hứng bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, luận điểm trên trong “Đề cương 1943” đã được thay thế hoàn toàn bằng luận điểm mới: Xây dựng nền văn hóa “*nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc*”. Luận điểm “*nội dung xã hội chủ nghĩa*” được thay thế cho “*tân dân chủ về nội dung*” nhằm khẳng định mục tiêu và lý tưởng XHCN, cao hơn giai đoạn trước của nền văn hóa mới khi chế độ mới, XHCN đang bắt đầu được xây dựng, tuy ít nhiều còn hiểu nó đơn giản như mô hình Xô Viết đang khởi sắc lúc bấy giờ. Đặc biệt, cụm từ “*dân tộc về hình thức*” đã được thay thế bằng “*tính chất dân tộc*”, có nghĩa là, tính dân tộc của văn hóa đã *bao hàm trong nó cả nội dung và hình thức*, cũng có nghĩa là nhận thức *sâu hơn* về phẩm chất dân tộc của văn hóa. Rõ ràng, đó là sự điều chỉnh *quan trọng* và bước tiến trong *nhận thức lý luận* về văn hóa.

1.3. Hai mươi bảy năm sau, từ 1960 đến 1987, trong Nghị quyết 05 của Bộ chính trị (khóa VI), tức là một năm sau đổi mới, cả hai về trên trong Văn kiện Đại hội III (1960) một lần nữa, lại được điều chỉnh cơ bản. Nghị quyết 05 xác định “xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, đậm đà bản sắc dân tộc”. Cụm từ “nội dung xã hội chủ nghĩa” được mở rộng hơn, thay thế bằng sự khái quát nhằm chỉ ra *mục tiêu chính trị, hệ ý thức* của toàn bộ nền văn hóa. Đồng thời, nhận thức sâu hơn, phẩm chất, đặc trưng dân tộc của một nền văn hóa, cụm từ “tính chất dân tộc” được chuyển thành “đậm đà bản sắc dân tộc” nhằm nhấn mạnh hơn yêu cầu tính dân tộc của văn hóa Việt Nam đương đại. Với cụm từ “văn hóa xã hội chủ nghĩa” nhằm nhấn mạnh ý thức hệ của nền văn hóa, điều điều đó không sai xét về mặt bản chất xã hội của văn hóa, song đã thu hẹp tính đa dạng, phong phú và ít nhiều bộc lộ ý chí luận khi chỉ yêu cầu ý thức hệ đối với văn hóa. Rất mừng là chỉ sau 4 năm, quan điểm trên đã được thay thế, điều chỉnh.

1.4. Vào năm 1991 (sau Nghị quyết 05 bốn năm) trong “Cương lĩnh xây

dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, một lần nữa, luận điểm trên có sự đổi mới rất quan trọng. Cụm từ “Văn hóa xã hội chủ nghĩa” trong Nghị quyết 05 được thay thế bằng “Văn hóa tiên tiến” và giữ nguyên cụm từ “đậm đà bản sắc dân tộc” và khẳng định nền văn hóa đó là một trong 6 đặc trưng của Chủ nghĩa xã hội theo quan điểm của chúng ta. (Sau này, khi bổ sung Cương lĩnh vào năm 2011 đã xác định 8 đặc trưng). Tuy vậy, Cương lĩnh 1991, do tính chất khái quát cao và cần cô đọng nhất nên nội hàm của luận điểm về văn hóa trên chưa được đề cập đến.

1.5. Bảy năm sau Cương lĩnh 1991, vào năm 1998, Nghị quyết Trung ương 5 về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã trình bày khái quát nội hàm của luận điểm trên. Có người hỏi, vậy bước phát triển tư duy lý luận về văn hóa trong luận điểm này ở đâu? Cũng có ý kiến cho rằng, phải chăng, trong luận điểm này có *bước lùi về hệ tư tưởng* khi bỏ khái niệm “*xã hội chủ nghĩa*” để thay thế bằng khái niệm “*tiên tiến*”. (Nhớ lại, vào những năm này, Liên Xô và các

nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã tan rã). Như vậy, cái tên của Nghị quyết 5 (khóa VIII, 1998) không đơn thuần là đặt tên một cách hình thức, mà chứa đựng những *nội dung mới* và rất *cơ bản* của Nghị quyết này. Thực ra, trong quá trình lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết đã có tới 10 tên khác nhau được đề xuất. Bộ chính trị đề nghị lấy tên trên vì trước kết “là thể hiện được sự *nhất quán* về khái niệm đã xác định trong Cương lĩnh chính trị năm 1991” và thể hiện rõ sự phát triển tư duy của Đảng về văn hóa, khắc phục hạn chế về nhận thức trong thời kỳ trước.

Thực ra, một thời gian dài, chúng ta đã qui chiếu toàn bộ nền văn hóa theo yêu cầu “nội dung xã hội chủ nghĩa” và “xã hội chủ nghĩa” mà không chú ý đúng mức đến phẩm chất nhân văn, tiến bộ, dân chủ và tính đa dạng, phong phú của một nền văn hóa. Đặc điểm đó của văn hóa tạo nên vẻ đẹp, đặc trưng và sự giàu có về tinh thần của một dân tộc, vì thế không nên soi chiếu tất cả các sản phẩm văn hóa chỉ theo chuẩn mực ý thức hệ, mà phải lấy thước đo là tính tiên tiến, tiến bộ, nhân văn của nó. Nếu chỉ lấy chuẩn

mực “nội dung xã hội chủ nghĩa” thì vô hình chung, chúng ta đã gạt ra ngoài hai thành tố không thể thiếu tạo nên tính phong phú, đa dạng của văn hóa Việt Nam đương đại, đó là những giá trị yêu nước, nhân văn, tiến bộ, dân chủ, dân tộc của *lịch sử* hàng ngàn năm văn hóa dân tộc và đó là những tinh hoa, thành tựu của văn hóa thế giới. Hai thành tố đó là một bộ phận hữu cơ không thể tách rời với nền văn hóa mới, cùng với những sản phẩm văn hóa đương đại mà “*nội dung cốt lõi* là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” (văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCHTW khóa VIII, tr.55-56) tạo nên diện mạo, sự phong phú, đa dạng của “nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Tính biện chứng trong tư duy giữa sự *kiên định* “*nội dung cốt lõi*” với sự am tường *đặc trưng tổng quát* của văn hóa thể hiện sáng rõ trong luận điểm mới này.

Như vậy, tất cả các cụm từ “tân dân chủ”, “nội dung xã hội chủ nghĩa”, “văn hóa xã hội chủ nghĩa” “dân tộc về hình thức”, “tính chất dân tộc” trong các Nghị quyết trước, sau khoảng gần 50 năm (từ 1943 đến 1991-1998) đã được thay thế bằng luận điểm mới “tiên tiến,

đậm đà bản sắc dân tộc”. Từ thực tiễn đó, có thể khẳng định rằng, quá trình tìm tòi trên gắn liền với sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về văn hóa, vừa là kết quả của sự tổng kết thực tiễn một cách khoa học vừa là khẳng định *định hướng cốt lõi* phát triển văn hóa trong thời gian tới.

2. Cảm nhận về đặc trưng của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc:

Nếu kể từ Nghị quyết TW 5 khóa VIII, từ 1998 đến nay, chúng ta mới triển khai xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam theo tinh thần và nội dung của Nghị quyết được khoảng 25-26 năm. Đối với văn hóa, thời gian đó không dài, nếu không muốn cho rằng còn rất ngắn, cho nên việc xác định đặc trưng (có tính đã *định hình*) của “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” là sớm, vì vậy, tham luận chỉ dừng lại ở “*cảm nhận*” - cả trên hai phương diện lý luận và thực tiễn.

2.1. Điều giản dị đầu tiên là cảm nhận về tính biện chứng của luận điểm này.

Trên một vài tờ báo, tạp chí, có đăng tải các tiểu luận phân tích luận điểm trên và có thêm một từ “*và*” trong luận điểm để trở thành “nền văn hóa tiên

tiến VÀ đậm đà bản sắc dân tộc”. Tưởng rằng chỉ là một chi tiết ngôn ngữ nhỏ “*tiện tay*” thêm vào, nhưng thực sự bộc lộ sự chưa hiểu tiết thấu đáo luận điểm này. Đây không phải là hai thành tố độc lập, đồng đẳng đứng cạnh nhau (như A và B, như Tòì và Anh), mà là sự *xuyên thấm vào nhau* tạo thành một thực thể mới - nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Vì hiểu sai nên dẫn đến chỉ đạo, quản lý, hoạt động thực tiễn văn hóa chệch hướng (như sự xuất hiện những tác phẩm “bất chúớc”, “mê tín” cái được cho là “hiện đại” của phương Tây mà xa rời, thậm chí làm méo mó bản sắc dân tộc hoặc phục hồi không chọn lọc những lễ hội quá khứ, giữ nguyên hoặc “phát triển” những hủ tục lạc hậu, mê tín và cả nạn cờ bạc... có trong một số lễ hội truyền thống). Điều đó có nghĩa là, để xây dựng và phát triển văn hóa thành một trong các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam, phải thấu hiểu sâu sắc cả về lý luận và chỉ đạo thực tiễn đặc trưng của nền văn hóa đó, mà nội dung căn cốt nhất là sự *gắn kết hài hòa, xuyên thấm vào nhau* hai về tiên tiến với đậm đà bản sắc dân tộc để tạo nên *diện mạo, đặc trưng, phẩm*

chất tổng hợp của nền văn hóa Việt Nam hiện đại. Điều đó cũng có nghĩa là chúng ta sẽ chưa có hoặc không có chủ nghĩa xã hội đích thực và hoàn thiện nếu không xây dựng và phát triển bền vững nền văn hóa đó, làm nền tảng tinh thần cho xã hội mà chúng ta mong ước: Chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

2.2. Từ đặc trưng trên, dễ dàng nhận thấy rằng, việc tách ra để làm rõ nội hàm của từng vế chỉ có ý nghĩa tương đối, một “thao tác khoa học” cần thiết. Song, khi phân tích giá trị của một sản phẩm văn hóa, tác phẩm văn học, nghệ thuật, có lẽ, không nên bóc tách một cách máy móc, “cơ học” như vậy, mặc dầu có thể nhấn mạnh cái đặc sắc, độc đáo nổi trội

có trong tính tổng hợp của nó.

Về phẩm chất “tiên tiến” được xác định bởi những đặc trưng cơ bản sau: Yêu nước, nhân văn, tiến bộ (xét theo

đặc điểm lịch sử cụ thể của dân tộc, của thời đại, của nhân loại), yêu thương, trân trọng, đấu tranh và bảo vệ con người vì hạnh phúc và tự do của con người. Trong sự phát triển phong phú của các giá trị đó, đối với

văn hóa đương đại, “*nội dung cốt lõi*”, “*dòng mạch chính*” của nó “là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh”. Như vậy, khái niệm “tiên tiến” rộng hơn rất nhiều so với các khái niệm trước đây, hoàn toàn phù hợp với quy luật đặc thù, đặc trưng của sáng tạo và hoạt động văn hóa. Ở đây có sự thống nhất giữa *kiên định* và *định hướng* mở, góp phần tạo ra không gian sáng tạo rộng mở cho văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Về “đậm đà bản sắc dân tộc”, như Nghị quyết TW5 (1998) đã xác định khái quát “bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng

các dân tộc VN được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm đà cả trong hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo”. Nghị quyết xác định một số giá trị “chủ yếu, nổi bật nhất”, nhưng đồng thời cũng rất thận trọng khi trong “Bản trình bày ý kiến của Bộ Chính trị trước Hội nghị: “Bản sắc dân tộc còn có thể *cần nhắc, thêm, bớt*” (NQ/TW5-tr23). Thực tiễn sáng tạo và nghiên cứu văn hóa những năm qua cho chúng ta nhận thấy, ý kiến trên là hoàn toàn chuẩn xác. Bản sắc dân tộc vừa mang tính “định hình” vừa có sự biến đổi, tuy chậm chạp, nhưng đang diễn ra, đang biến động. Mặt tích cực, các giá trị bền vững đang chiếm ưu thế, song mặt tiêu cực, hạn chế, thói hư, tật xấu đang có nguy cơ lan tràn, khó kiểm soát. Trong sáng tạo văn hóa, văn nghệ, những tìm tòi táo bạo được khuyến khích khi xử lý thuyết phục giữa truyền thống và hiện đại, đồng thời xuất hiện không ít sản phẩm lai căng, “mê muội” văn hóa ngoại lai dẫn tới sự lệch chuẩn khi tiếp nhận văn hóa.

2.3. Cần nhấn mạnh hơn nữa trong nhận thức, đặc biệt trong chỉ đạo thực

hiện một vai trò, một *đặc trưng quan trọng bậc nhất* của “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, đó là nền văn hóa này phải trở thành *mục tiêu cao nhất*, cuối cùng của mọi lĩnh vực hoạt động trong xã hội xã hội chủ nghĩa. *Độ vênh* giữa nhận thức *lý thuyết* và chỉ đạo, tổ chức *thực tiễn* vẫn đang là thực trạng chưa khắc phục nổi hiện nay. Nếu đưa luận điểm sau đây vào thực tiễn chắc chắn rằng sẽ có bước ngoặt hay bước “đột phá” (như văn kiện Đại hội XIII đã xác định) trong hoạt động và kết quả chỉ đạo thực tiễn: “Xây dựng và phát triển kinh tế phải *nhằm mục tiêu văn hóa*, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện” (Thế giới đã minh chứng rằng, ở một đất nước, dân cảm thấy sống hạnh phúc nhất lại không phải là các nước có thu nhập đầu người cao nhất!).

Mục tiêu cao nhất của phát triển kinh tế là văn hóa. Mục tiêu cao nhất của phát triển văn hóa là xây dựng con người phát triển toàn diện và hạnh phúc. Lý thuyết “thuộc lòng” là như vậy. Nhưng trong thảo luận chuẩn bị cho Nghị quyết 33-NQ/TW (khóa XI, 2014) vẫn có ý kiến “bỏ từ “con người”

vì sợ trùng với khái niệm văn hóa”. Còn trong thực tiễn “không ít trường hợp đã hiểu *sai lệch*, coi văn hóa là những công việc, những hoạt động trên lĩnh vực văn hóa (như múa hát, biểu diễn, lễ hội...) *không tập trung cho mục tiêu trọng tâm, cốt lõi là xây dựng con người*” (Văn kiện Hội nghị lần thứ chín BCHTW khóa XI - tr. 23-24): Yêu cầu từ thực tiễn đòi hỏi phải thay đổi *thực chất và cơ bản* nhận thức về hai nội dung cực kỳ hệ trọng trên.

2.4. Một thời gian dài, chúng ta đề cao vấn đề về phương pháp sáng tác, có lúc coi đó như là nguyên tắc, trong đó khẳng định phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa là tốt nhất, là ưu việt hơn cả, đến mức coi là duy nhất và mặt khác, đánh giá thấp hoặc phủ nhận các phương pháp khác. Thực ra, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, cũng như cách phương pháp và trào lưu khác, có vai trò và cả hạn chế lịch sử của nó. Nhận thức được điều đó, từ đổi mới đến nay, đặc biệt từ khi xác định định hướng phát triển văn hóa Việt Nam “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, chúng ta đã có cách nhìn khách quan, khoa học, cởi mở hơn. Trong nội hàm và đặc trưng

của nền văn hóa này không có “ép” vào một phương pháp hay phong cách nào miễn là sáng tạo “vì mục đích đáp ứng đời sống tinh thần lành mạnh, bổ ích cho công chúng” và người sáng tạo thấu hiểu trách nhiệm công dân của mình. Vì vậy, Nghị quyết TW5 (khóa VIII) khẳng định “khuyến khích tìm tòi thể nghiệm *mọi phương pháp, mọi phong cách sáng tác*” và Nghị quyết TW9 (khóa XI) tiếp tục xác định “phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, tạo *mọi điều kiện* cho sự *tìm tòi, sáng tạo* của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ...”.

Đặc trưng trên của nền văn hóa Việt Nam “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã mở ra con đường sáng tạo tự do và thể nghiệm mạnh bạo, tạo điều kiện bộc lộ tiềm năng, năng lực, tài năng của người sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật. Thực tiễn những năm qua cho chúng ta nhận rõ giá trị của một luận điểm, quan điểm nói trên. Không gian sáng tạo văn hóa Việt Nam đang báo hiệu những tìm tòi, thể nghiệm và thành tựu mới, tuy những thách thức phía trước đang đòi hỏi

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA HÀ NỘI

● NGUYỄN DOÃN VĂN

Giám đốc Ban Quản lý di tích danh thắng Hà Nội

1. Phác thảo chân dung di tích Thủ đô

Hà Nội là Thủ đô có lịch sử nghìn năm văn hiến, hiện còn lưu giữ được hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đa dạng, phong phú, đặc sắc. Hiện nay, Hà Nội là địa phương dẫn đầu cả nước với gần 6000 di tích (danh mục kiểm kê di tích được công bố theo Quyết định số 5745/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND thành phố Hà Nội). Tổng số di tích đã xếp hạng của Thành phố Hà Nội đến tháng 5/2022 là: 21 cụm di tích quốc gia đặc biệt (trong đó có 89 di tích đơn lẻ và 01 di tích cách mạng kháng chiến), 1160 di tích xếp hạng cấp quốc gia (trong đó có 27 di tích xếp hạng loại hình cách mạng kháng chiến), 1462 di tích xếp hạng cấp Thành phố, 3210 di tích chưa xếp hạng nhưng nằm trong danh mục kiểm kê.

Việc tiến hành kiểm kê được thực hiện theo quy trình kiểm đếm các thành phần và các thông tin thuộc thành phần hồ sơ; các địa điểm, công trình chưa có trong danh mục nhưng có một trong các tiêu chí của Luật Di sản văn hoá; tổ chức xử lý kết quả, phân tích, đánh giá, thống kê, phân loại, tổng hợp; Lập báo cáo và các bảng biểu; lập danh mục di tích toàn thành phố chia theo địa bàn, loại hình và những đề xuất, kiến nghị để nhận diện đối tượng qua chức năng, tính chất của công trình để chia các nhóm di tích theo các loại hình, phục vụ số liệu cho công tác quản lý.

Cụ thể phân loại các di tích như sau: Di tích Lịch sử cách mạng kháng chiến, đình, chùa, đền, miếu, nghề, quán, nhà thờ họ, lăng mộ, văn chỉ và loại khác. Thông qua đợt tổng kê 30 quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố có 220

di tích Lịch sử cách mạng, 1853 ngôi đình, 1970 ngôi chùa, 925 ngôi đền, 817 ngôi miếu, 38 nghề, 335 ngôi quán, 789 nhà thờ họ, 123 lăng mộ, 116 văn chỉ và các loại hình di tích khác gồm 472 di tích (số liệu kiểm kê thực tế). Trong số lượng các di tích phân theo loại hình này có 36 di tích có niên đại khởi dựng thời Lý - Trần, 1122 di tích có niên đại khởi dựng thời Lê, 3984 di tích có niên đại khởi dựng thời Nguyễn, 2663 di tích được khởi dựng từ năm 1945 đến nay. Đặc biệt, còn có 42 di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và 116 di tích thuộc sở hữu tư nhân.

Trong đó các di tích lại chia nhỏ theo nhiều loại như di tích lịch sử cách mạng kháng chiến, di tích lưu niệm danh nhân, đình, đền, chùa, miếu, am, phủ, thành, quán, hội quán, làng cổ, khu phố cổ và nhiều loại khác nhau; Nhưng tựu trung lại, có thể chia ra các theo các nội dung như sau:

- 1). Niên đại khởi dựng:
- 2). Nhân vật, sự kiện lịch sử:
- 3). Kiến trúc - nghệ thuật:
- 4). Giá trị văn hóa, khoa học:
- 5). Di vật, cổ vật:
- 6). Cảnh quan, địa hình:

Với sự phác thảo trên có thể thấy

rằng, bức tranh toàn cảnh về di tích Thủ đô rất đa dạng phong phú, có đại danh lam, có những di tích kiến trúc - nghệ thuật nổi tiếng, địa điểm di tích Khảo cổ học nổi danh với những sắc thái và đặc thù riêng biệt... Đây chính là những thuận lợi và cũng là khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

2. Công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

a) Thành phố đã ban hành nhiều văn bản pháp lý và văn bản chỉ đạo điều hành liên quan tới việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, như Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 về việc ban hành quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND thành phố Hà



Kỳ Đài (Cột cờ Hà Nội) thuộc khu vực Thành cổ Hà Nội may mắn thoát khỏi sự phá hủy của thực dân Pháp trong những năm 1894- 1897 _ Ảnh: nhandan.vn

Nội, Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố về việc quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; trong đó xác định rõ thành phố trực tiếp quản lý 10 di tích văn hóa tiêu biểu và phân cấp quản lý các di tích văn hóa còn lại cho các quận, huyện, thị xã; quy định ngân sách thành phố đầu tư cho các di tích quốc gia đặc biệt, di tích cách mạng kháng chiến, ngân sách cấp huyện đầu tư tu bổ, bảo tồn và phát huy giá trị các di

tích còn lại trên địa bàn, đảm bảo đúng quy trình hoạt động tu bổ di tích.

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của thành phố Hà Nội, thời gian qua, việc phân cấp đã góp phần tăng cường quyền hạn, trách nhiệm cho cơ sở, cũng như bảo đảm sự tập trung, thống nhất và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về di sản văn hóa của Hà Nội. Bên cạnh đó, Hà Nội cũng chú trọng công tác tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa; các dự án trùng tu, tôn tạo các di tích trong danh mục Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 08/4/2022

của HĐND Thành phố Hà Nội về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập để đủ điều kiện đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo và một số dự án xây dựng cơ bản nhiệm vụ chi cấp Thành phố, Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc Đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập để đủ điều kiện đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo.

Hà Nội đã giải quyết cơ bản hài hòa, hợp lý giữa công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội trong không gian đô thị với việc áp dụng một số mô hình hiệu quả, tham khảo ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, lắng nghe ý kiến dư luận nhiều chiều, giải quyết những vi phạm trong quản lý, bảo tồn các di sản văn hóa. Một số quận nội thành làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, di chuyển được nhiều hộ dân ra khỏi khu

vực bảo vệ di tích, như tại đình Kim Ngân, đền Quan Đế, Bích Câu đạo quán, chùa Hòe Nhai, đền Đông Hạ, đền Hai Bà Trưng... Không ít vụ việc xâm phạm di sản văn hóa được phát hiện và giải quyết kịp thời; giải quyết các nút giao thông trên đường Văn Cao, Đào Tấn, Cầu Giấy, Đội Cấn với việc thực hiện đầy đủ, chi tiết hoạt động tư liệu hóa các hồ khai quật khảo cổ, đưa toàn bộ tài liệu, hiện vật về lưu trữ, bảo quản tại bảo tàng để phục vụ công tác nghiên cứu, trưng bày phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa.

Dù còn một số di tích bị vi phạm trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản, nhưng Hà Nội luôn là địa phương đi đầu trong việc giải quyết hài hòa, hợp lý giữa bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội trong không gian đô thị. Có rất nhiều kinh nghiệm được áp dụng trong quá trình thực hiện công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở Hà Nội như việc xây dựng dự án bảo tồn tại chỗ khu 18 Hoàng Diệu thành “bảo tàng ngoài trời” để phục vụ công tác nghiên cứu, tham quan du lịch được đánh giá là biện pháp rất hiệu quả, vừa bảo đảm giữ gìn, vừa tạo cơ hội phát huy giá trị di sản.

Giải pháp thực hiện tư liệu hóa chi tiết và đầy đủ các hố khai quật khu đàn Xã Tắc ở ngã năm Ô Chợ Dừa, đưa những hiện vật có thể di chuyển được về bảo quản, trưng bày trong bảo tàng, sau đó lấp cát theo phương pháp khoa học toàn bộ hố khai quật rồi bàn giao mặt bằng cho chủ dự án thi công đã tạo được sự đồng thuận cao trong các tầng lớp nhân dân, các nhà nghiên cứu, nhà khoa học. Cách làm này vừa bảo đảm công tác bảo tồn lại không cản trở nhu cầu phát triển đô thị. Ngoài ra, việc giải quyết các nút giao thông trên đường Văn Cao, Đào Tấn, Cầu Giấy, Đội Cấn sau khi thực hiện đầy đủ, chi tiết việc tư liệu hóa các hố khai quật khảo cổ, đưa toàn bộ tài liệu, hiện vật về lưu trữ, bảo quản tại bảo tàng để phục vụ công tác nghiên cứu, trưng bày phát huy giá trị di tích.

b) Thực hiện Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội, thực hiện có hiệu quả Chương trình số 06-CTr/TU, Thành ủy Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 22-2-2022, “Về phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm

2045”. Nghị quyết nhấn mạnh quan điểm phát triển công nghiệp văn hóa trên nguyên tắc *bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, phát huy tối đa những tiềm năng, thế mạnh, giá trị văn hóa truyền thống mang bản sắc của Thủ đô ngàn năm văn hiến*; bồi đắp và phát triển hệ giá trị văn hóa Thăng Long - Hà Nội, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, Hà Nội trở thành “Thành phố sáng tạo”, quảng bá và nâng cao vị thế, hình ảnh Thủ đô, Việt Nam ra khu vực và thế giới. Nghị quyết cũng đánh giá và làm rõ thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp văn hóa của Hà Nội; từ đó nhận diện đầy đủ tiềm năng, thế mạnh, những hạn chế, khó khăn, thách thức cần phải đổi mới trong quá trình phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Trong hệ thống các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn Thủ đô, Nghị quyết nhấn mạnh *cần triển khai quyết liệt một số dự án, đồ án quy hoạch bảo tồn, phát huy giá trị di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia*, đồng thời với việc *xây dựng công trình văn hóa mới, tạo thành các biểu tượng văn hóa*

mới cho Thủ đô và có tiềm năng phát triển công nghiệp văn hóa. Đây được coi là bước đột phá trong phát triển Thủ đô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhiều việc làm, gia tăng thu nhập, tỷ trọng đóng góp vào GRDP của thành phố và GDP quốc gia, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống, đời sống của Nhân dân.

Hà Nội cũng tập trung thu hút các nguồn lực trong xã hội để đầu tư phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, khai thác các tài nguyên nhân văn để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, lễ hội được tăng cường, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch văn hóa. Hà Nội là một trong những địa phương đầu tiên trên cả nước hoàn thành tổng kiểm kê di tích, triển khai khá hiệu quả công tác giáo dục di sản văn hóa, huy động thành công hàng trăm tỷ đồng mỗi năm cho hoạt động tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di sản, góp phần phát triển du lịch bền vững. Thành phố đã triển khai nhiều dự án phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, sản phẩm du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, thủ công mỹ nghệ, thiết kế sáng tạo..., như không

gian đi bộ quanh hồ Hoàn Kiếm và vùng phụ cận, phố bích họa Phùng Hưng, phố sách Hà Nội, xe buýt hai tầng, chương trình biểu diễn thực cảnh “Tinh hoa Bắc Bộ”...

Thành phố cũng triển khai những dự án tầm cỡ quốc tế, như Trung tâm Triển lãm quốc gia (huyện Đông Anh), Công viên Kim Quy (huyện Đông Anh), Công viên chủ đề Hello Kitty (quận Tây Hồ)...; khai thác hiệu quả không gian biểu diễn nghệ thuật, ẩm thực đường phố quận Tây Hồ (trên phố đi bộ Trịnh Công Sơn), điểm văn hóa thường thức Trà sen Quảng An; tiếp tục xây dựng điểm du lịch văn hóa “Cụm di tích đình, chùa Võng Thị và mô hình làng nghề sản xuất giấy dó”; tổ chức hoạt động du lịch quảng bá các sản phẩm truyền thống làng nghề sơn mài Hạ Thái, làng nghề sinh vật cảnh Hồng Vân (huyện Thường Tín); làng nghề gốm Bát Tràng (huyện Gia Lâm); làng nghề lụa Vạn Phúc (quận Hà Đông)...

Một số làng nghề được đầu tư đồng bộ (hạ tầng giao thông, hạ tầng du lịch, hệ thống biển chỉ dẫn, xây dựng khu trung tâm giới thiệu làng nghề, xây dựng các hoạt động trải nghiệm văn

hóa cho khách tham quan, bồi dưỡng kiến thức cho người dân địa phương), trở thành điểm du lịch văn hóa đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Xác định sản phẩm văn hóa là sản phẩm bền vững nhất, Hà Nội chủ trương tập trung đầu tư một cách bài bản cho sản phẩm văn hóa tại các điểm di tích cả về mẫu mã, chất lượng mang bản sắc Thủ đô.

Bên cạnh đó, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên cơ sở phát huy các giá trị văn hóa Thủ đô cũng tạo điểm nhấn cho ngành nghệ thuật biểu diễn. Trung bình mỗi năm, Hà Nội có hơn 300 chương trình nghệ thuật do các cơ quan, đơn vị tổ chức được cấp phép; hơn 2.500 buổi biểu diễn nghệ thuật do các nhà hát thuộc thành phố tổ chức, hàng nghìn buổi chiếu phim... Thành phố cũng tập trung khai thác du lịch văn hóa kết hợp với tổ chức các lễ hội truyền thống và hiện đại, các sự kiện mang

tầm quốc tế, trong đó lồng ghép quảng bá văn hóa truyền thống của Hà Nội ra thế giới, qua đó góp phần khẳng định vẻ đẹp của Thủ đô ngàn năm văn hiến, nâng cao “sức mạnh mềm” của Thủ đô nói riêng và cả nước nói chung.

c) Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, hiện nay, công tác quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của Hà Nội vẫn còn một số hạn chế. Không ít các cấp, ngành và người dân vẫn chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác quy hoạch, quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hóa; về vị trí của mỗi quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Thực tế cho thấy, một số địa phương của Hà Nội chưa có sự điều tiết hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, còn tình trạng coi trọng tăng trưởng kinh tế, dẫn đến nhiều vấn đề bất cập nảy

sinh, phá vỡ các kiến trúc truyền thống đô thị.

Ngoài ra, tốc độ đô thị hóa quá nhanh, dân số gia tăng, sự kết nối giữa kiến trúc đô thị và giao thông đô thị chưa đồng bộ cũng tác động tiêu cực đến các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh của Hà Nội. Việc kiểm tra, giám sát hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích ở một số địa phương trên địa bàn thành phố chưa thường xuyên, kịp thời, đã dẫn tới tình trạng vi phạm, xâm hại di tích ở một số nơi chưa được phát hiện, ngăn chặn kịp thời. Công tác quản lý di tích trên một số địa bàn còn buông lỏng, khiến việc xâm phạm, lấn chiếm di tích còn diễn ra.

Hà Nội đã có nhiều nỗ lực trong xã hội hóa công tác bảo tồn di sản văn hóa, song do số lượng di tích lịch sử, văn hóa của thành phố lớn, nhiều di tích xuống cấp nên nguồn kinh phí cho tu bổ di tích chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nguồn nhân lực quản lý di tích các cấp còn mỏng, thiếu kinh nghiệm. Đội ngũ chuyên gia và công nhân kỹ thuật có trình độ và tay nghề cao còn thiếu và yếu. Chất lượng trong tu bổ các di tích lịch sử, văn hóa chưa cao. Thành phố chưa có kế

hoạch với quy mô tổng thể, lâu dài mang tính liên kết bền vững cũng như còn thiếu cơ chế phối hợp liên ngành để tạo ra sức mạnh tổng hợp, hỗ trợ cho công tác quy hoạch và quản lý di sản văn hóa.

3. Nâng cao công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

Để thực hiện được mục tiêu xây dựng Hà Nội thành đô thị văn minh, phát triển bền vững, có sự gắn kết hài hòa giữa bảo tồn và phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, thời gian tới, nên chăng thành phố Hà Nội cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp:

Thứ nhất, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của người dân về quyền và nghĩa vụ đối với các di sản văn hóa thông qua nhiều hình thức (như tăng cường không gian công cộng để tổ chức các sinh hoạt cộng đồng nhằm truyền tải ý nghĩa và giá trị của di sản văn hóa đến với các tầng lớp nhân dân...). Phát huy vai trò của nhân dân trong việc bảo vệ di sản văn hóa. Xây dựng cơ chế hợp tác, chung tay giữa cộng đồng, doanh nghiệp và chính quyền

trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, trong đó cần chú ý đến lợi ích của cộng đồng, giải quyết hài hòa các mối quan hệ giữa trách nhiệm và lợi ích của cộng đồng cư dân trong toàn bộ các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Thủ đô phù hợp với tình hình thực tế. Rà soát, đánh giá việc thực hiện Quy hoạch phát triển du lịch thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó chú ý nội dung về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong quá trình phát triển du lịch của Hà Nội. Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý di sản văn hóa để nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. củng cố, hoàn thiện bộ máy quản lý di tích, xây dựng mô hình khung cho các ban quản lý.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để tăng hiệu quả quản lý di sản. Chú trọng hơn nữa yếu tố bảo tồn di sản văn hóa trong công tác quy hoạch đô thị của Hà Nội, tiếp cận vấn

đề một cách tổng thể, liên ngành để đề xuất các giải pháp thích hợp, tạo dựng cảnh quan phù hợp, góp phần làm tăng giá trị và tạo điểm nhấn cho các địa phương có di sản văn hóa.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa của các di tích lịch sử, các công trình văn hóa; bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống. Triển khai chi tiết quy hoạch bảo tồn không gian di sản văn hóa (không gian văn hóa, môi trường xã hội và cảnh quan tạo nên giá trị tổng hòa và đặc trưng của di sản). Tăng cường đầu tư nguồn vốn (nguồn vốn của Nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa) và nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh để bảo đảm giữ gìn bản sắc kiến trúc cổ trong quá trình trùng tu, tôn tạo.

Đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, không gian kiến trúc cảnh quan kết hợp hài hòa bản sắc dân tộc và hiện đại, tạo cảnh quan đô thị đặc sắc, đặc trưng cho Thủ đô và cả nước. Đặc biệt, cần gắn kết hoạt động bảo tồn di sản văn hóa đô thị với hoạt động du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Có chiến

lược, kế hoạch dài hạn để tuyên truyền, quảng bá du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa với quy mô lớn hơn, chất lượng, hiệu quả cao hơn.

Nghiên cứu mô hình quản lý di sản văn hóa đang hoạt động, đánh giá đúng các mặt tích cực và hạn chế để đưa ra một số mô hình tiêu biểu và phù hợp với từng địa bàn cụ thể của Thủ đô.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô. Xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho nhân lực hiện đang đảm nhiệm, nhằm nâng cao trình độ về chuyên môn, cập nhật tiếp thu kiến thức mới áp dụng vào việc quản lý di sản văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Chú trọng xây dựng đội ngũ thợ lành nghề tham gia các hoạt động bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa.

Định kỳ tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật liên quan cho cán bộ cơ sở, các ban quản lý di tích cũng như những người trực tiếp tham gia trông coi, bảo vệ di tích. Tăng cường kiểm tra hiện trạng các di sản văn hóa

trên địa bàn Thủ đô, kiện toàn ban quản lý di tích, gắn trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi xảy ra sai phạm.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của Hà Nội. Thông qua sự gắn kết giữa công nghệ số với phát triển du lịch thông minh để đưa các nội dung quảng bá giá trị di sản lên các nền tảng công nghệ, qua đó lan tỏa và phát huy giá trị di sản văn hóa, đưa di sản đến gần hơn với công chúng. Xây dựng ngân hàng dữ liệu khoa học về các di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô (gồm hồ sơ khoa học về di sản; bản vẽ kỹ thuật; ảnh chụp (đen trắng và màu), băng, đĩa ghi hình; các văn bản pháp lý có liên quan; các quy hoạch, kế hoạch, dự án tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa); qua đó, tích hợp các nguồn thông tin có liên quan tới di sản văn hóa và hoạt động bảo tồn di sản văn hóa của Hà Nội, thúc đẩy hoạt động có ý nghĩa này ngày càng hiệu quả, góp phần quan trọng trong việc nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân Thủ đô, xây dựng Hà Nội trở thành đô thị văn minh, hiện đại, giàu bản sắc văn hóa ■

50 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh là vùng đất có vị trí trung tâm ở phía Nam của đất nước với quá trình hàng trăm năm mở đất, đấu tranh, xây dựng; vượt qua bao khó khăn, gian khổ, con người thành phố đã làm nên những sự kiện lịch sử hào hùng và góp phần tô thắm trang sử của dân tộc. Ngày nay, Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, là đầu tàu, động lực, có sức thu hút và sức lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước, có nền văn hóa phát triển năng động. Đảng bộ và chính quyền thành phố luôn quan tâm và xem việc xây dựng, phát triển văn hóa, con người thành phố là xây dựng nền tảng tinh thần, từ đó làm

động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội.

Trong 50 năm qua song song với việc phấn đấu vượt qua những khó khăn, thử thách của một thành phố vừa đứng dậy sau chiến tranh, loại bỏ những tàn dư văn hóa cũ, thành phố đã phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp vốn có, xây dựng nền văn hóa mới và đã đạt được những thành tựu bước đầu trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người thành phố. Đó là một nền văn hóa năng động, sáng tạo, con người thành phố luôn đi đầu, dám chấp nhận thử thách, nhân ái, nghĩa tình.

Từ những chỉ đạo quan trọng của Đảng trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ qua các kỳ đại hội, nhất là Nghị quyết lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Nghị quyết

số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới; Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh luôn đặt mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa con người thành phố phù hợp với các giai đoạn phát triển. Có thể tạm chia thành 2 giai đoạn:

Giai đoạn từ năm 1975 đến trước thời kỳ “Đổi mới”

Trong giai đoạn này Đảng bộ Thành phố đã tập trung xóa bỏ tàn dư văn hóa cũ, xây dựng văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đề cao vai trò nghệ sĩ cách mạng làm nòng cốt cho phong trào văn hóa, văn nghệ của thành phố¹. Đã xuất hiện nhiều phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, xóa mù chữ, xây dựng đời sống mới²... trong khắp các khu dân cư, trường học, xí nghiệp, công sở... tạo nên một khí thế mới, đời sống mới vui tươi, tuy nhiên do kinh tế còn nhiều khó khăn, tập

trung xây dựng sau chiến tranh nên chưa phát triển, xây dựng các thiết chế văn hóa phục vụ nhu cầu đời sống tinh thần của người dân³.

- Giai đoạn từ sau “Đổi mới” đến nay

Đây là giai đoạn, Đảng bộ Thành phố đã có nhiều nghị quyết, quyết định tập trung xây dựng và phát triển văn hóa thành phố trong thời kỳ mới, đặc biệt là tập trung xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng văn hóa và con người thành phố, bước đầu xây dựng không gian văn hóa Hồ Chí Minh⁴. Đảng bộ Thành phố đã xác định phát triển văn hóa là gắn kết chặt chẽ hai phạm trù văn hóa - con người mà cụ thể là con người Thành phố Hồ Chí Minh với những phẩm chất, tính cách mạng, tính đặc trưng, tiêu biểu, đặc biệt là các phẩm chất năng động, sáng tạo, đi đầu, dám chấp nhận thử thách, nhân ái, nghĩa tình cần được phát huy mạnh mẽ để thực hiện mục tiêu “phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, làm nền tảng cho thành phố phát triển bền vững. Xây dựng nền văn hóa

tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là mục tiêu, nền tảng xã hội cho thành phố phát triển nhanh và bền vững”.

Sau 50 năm, nhận thức về vai trò của văn hóa trong đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp đổi mới, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, về trách nhiệm xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của các cấp

ủy đảng, chính quyền và nhân dân thành phố được nâng lên, thể hiện rõ nét trong nhận thức và hành động. Xây dựng con người được xem là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược và quyết định trong xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh đô thị phù hợp với vai trò, vị trí của một đô thị đặc biệt. Truyền



Thành Phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại. Ảnh: IT

thống yêu nước, cách mạng, năng động, sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân thành phố tiếp tục được bồi đắp, phát huy; lòng nhân ái, tình yêu thương đồng bào, đồng chí được vun bồi và tiếp tục phát triển, thể hiện qua nhiều phong trào hành động cách mạng ngày càng phát triển mạnh mẽ, đi vào chiều sâu, mang tính nhân văn

sâu sắc, góp phần nuôi dưỡng, bồi đắp nhân cách lành mạnh, tiến bộ, vừa hội tụ, vừa lan tỏa; đại bộ phận cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân thành phố tích cực hưởng ứng các hoạt động chăm lo, giúp đỡ gia đình chính sách, người nghèo về vật chất và văn hóa. Thành tựu này tiếp tục khẳng định và ngày càng thể hiện các giá trị tinh thần mang nét đặc trưng tốt đẹp của nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, là sức mạnh, tạo động lực tiếp tục xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

Công tác xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa, xây dựng nông thôn mới được cải thiện, nâng cao. Các phong trào thi đua yêu nước như Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Cuộc vận động “Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì thành phố sạch, xanh và thân thiện với môi trường” ... được sự hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân đem lại hiệu quả thiết thực, ứng



xử văn minh, ý thức bảo vệ môi trường trong nhân dân ngày càng rõ nét; nhiều giải pháp, mô hình văn hóa sáng tạo, có ý nghĩa nhân văn, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc như Câu lạc bộ “Phòng, chống bạo lực gia đình”; Câu lạc bộ “Xây dựng gia đình hạnh phúc”; Câu lạc bộ “Ông, bà, cháu”; Câu lạc bộ “Nhà trọ không có tội phạm ẩn náu”, “Tổ hợp kinh doanh tự quản trật tự lòng, lề đường, vỉa hè”, “Chung cư văn hóa”, “Câu lạc bộ đờn ca tài tử” ... được nhân rộng khắp các quận, huyện, phường, xã trên địa bàn thành phố; xuất hiện ngày càng nhiều tấm gương tiêu biểu về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nền tảng giá trị đạo đức được quan tâm gìn giữ, các quy tắc ứng xử văn hóa được hình thành; xây dựng lối sống văn hóa trong mỗi cá nhân, gia đình; xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng, khu dân cư, cơ quan, đơn vị, tạo nên môi trường văn hóa lành mạnh, sinh động trong đời sống nhân dân, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội.

Hoạt động văn hoá, lễ hội diễn ra phong phú, đa dạng. Nhiều chương

trình nghệ thuật quy mô, chất lượng được đầu tư dàn dựng, vừa thực hiện nhiệm vụ chính trị, vừa đáp ứng nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của công chúng. Các hoạt động lễ hội thường niên trở thành nét văn hóa đặc sắc của thành phố như Lễ hội Đường hoa Nguyễn Huệ, Lễ hội Áo dài, Lễ hội Văn hóa, nghệ thuật dân gian Việt Nam, Lễ hội Nghinh Ông - Cần Giờ, Chợ hoa xuân Trên bến dưới thuyền, Lễ hội Sông nước ...

Thành phố đã chú trọng trong đẩy mạnh tuyên truyền hình ảnh “Công dân thành phố”, góp phần hoàn thiện hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người thành phố bằng loại hình văn hóa, văn nghệ, xây dựng và phát triển văn hóa, con người thành phố gắn với giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tạo nguồn lực nội sinh và động lực mạnh mẽ, đồng thời khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết toàn dân tộc, khát vọng xây dựng đất nước, Thành phố Hồ Chí Minh phát triển phồn vinh, hạnh phúc.

Hoạt động văn học - nghệ thuật phong phú, sôi động, có nhiều sáng tạo, giữ gìn và phát triển dòng mạch

chính văn học - nghệ thuật cách mạng đương đại, tiếp thu cái mới tiến bộ, phát huy chủ nghĩa yêu nước, nhân văn; có nhiều nỗ lực bám sát thực tiễn lao động, sản xuất, học tập, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng cuộc sống mới của nhân dân để sáng tác các tác phẩm văn học - nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng. Qua 50 năm tuy chưa có những tác phẩm đỉnh cao, để lại dấu ấn thời đại như giai đoạn đấu tranh cách mạng, giải phóng dân tộc nhưng có những tác phẩm để lại ấn tượng sâu sắc về nội dung và nghệ thuật trình diễn như Kịch múa: “Ngọc trai đỏ”, “Những nét son thành phố”, “Kiều”, “Kẹp hạt dẻ”...; Vở cải lương: “Thành phố buổi bình minh”, “Chiếc áo thiên nga”, “Kim Vân Kiều”, “Cô Đào hát”; Vở xiếc: “Ba Tư huyền bí”, “Bí ẩn nơi Đảo hoang”...; Hát bội “Sắc ấn Ngọc Nam Phương”, “Sanh vi tướng, tử vi thần”...; Nhạc kịch: “Tấm Cám”, “Chicago”, “High school musical”... được khán giả trẻ nồng nhiệt đón nhận đã mở ra khuynh hướng nhạc kịch của thế giới phục vụ công chúng nhất là giới trẻ. Điện ảnh phát triển khá mạnh tại thành phố với nhiều cụm rạp hoạt động hiệu

quả; đội ngũ văn nghệ sĩ của thành phố không ngừng phát triển, quy tụ, tập hợp văn nghệ sĩ gắn bó với thành phố và nỗ lực đào tạo, bồi dưỡng phát triển tài năng trẻ.

Hệ thống thiết chế văn hóa từng bước được củng cố; nhiều giải pháp đầu tư xây dựng, phát huy hiệu quả hoạt động hệ thống bảo tàng, thư viện, di tích, di sản văn hóa, các đoàn nghệ thuật nhà nước, các hội văn học nghệ thuật, các hội quần chúng hoạt động trên lĩnh vực văn hóa; hệ thống các trung tâm văn hóa, trung tâm thể dục thể thao, nhà văn hóa, nhà thiếu nhi cấp thành phố và quận, huyện,... phần lớn phát huy tác dụng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, phục vụ đa dạng nhu cầu học tập, sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí cho nhân dân, góp phần xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở thêm phong phú. Dù chưa có nhiều thiết chế văn hóa phục vụ cho hoạt động nghệ thuật được xây dựng trong 50 năm qua nhưng thành phố đã đầu tư xây dựng, cải tạo nhiều công viên văn hóa, phố đi bộ, kêu gọi xây dựng nhiều thiết chế văn hóa do xã hội hóa đầu tư; đang xây dựng Rạp xiếc với quy mô diện tích

10.000m²... với mong muốn đáp ứng phần nào nhu cầu tổ chức biểu diễn nghệ thuật phục vụ công chúng.

Các chính sách phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ được cụ thể hóa trong tổ chức thực hiện và đi vào cuộc sống, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho thành phố; công tác xã hội hóa giáo dục và xây dựng xã hội học tập mang lại nhiều kết quả tích cực; khoa học - công nghệ trở thành mũi nhọn trong chính sách phát triển của thành phố, hàm lượng trí tuệ kết tinh trong sản phẩm của nhiều lĩnh vực ngày càng tăng lên; thông tin truyền thông phát triển mạnh mẽ; xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa phát triển nhanh và mạnh, mang lại những thành quả to lớn.

Điều động lại rõ nét trong việc xây dựng văn hóa, con người thành phố đó là phẩm chất nhân ái, nghĩa tình. Các chủ trương, quyết sách của Đảng bộ thành phố trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đều trên cơ sở trọng dân, tin dân, dựa vào dân đều hướng đến mục đích “yên dân”, đặt quyền lợi của Nhân dân lên trên hết, chăm lo đời sống vật chất, văn

hóa tinh thần của người dân thành phố ngày càng phát triển cao hơn, có cuộc sống hạnh phúc hơn. Ngược lại, Nhân dân tin tưởng vào Đảng, cùng đồng lòng, chung sức xây dựng thành phố phát triển vượt bậc như ngày nay. Đó là trọn nghĩa vẹn tình. Tấm lòng nhân ái, nghĩa tình của Nhân dân thành phố còn là uống nước nhớ nguồn, lá lành đùm lá rách, là tình làng nghĩa xóm, nghĩa đồng bào đã được khơi dậy, phát huy. Các cuộc vận động, các chương trình xã hội như xóa đói giảm nghèo, nay là giảm nghèo bền vững; nhà tình nghĩa - nhà tình thương; chăm sóc Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, gia đình liệt sĩ; Vì người nghèo; khuyến học, khuyến tài, chia sẻ khó khăn, góp sức với đồng bào các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai... đã nhận được sự hưởng ứng tự giác rất cao của đông đảo Nhân dân, tạo được sự đồng thuận xã hội mạnh mẽ, rộng khắp. Đặc biệt trong đại dịch Covid-19, phẩm chất nghĩa tình của con người thành phố càng được khẳng định, trong lúc khó khăn, hoạn nạn đã cùng chung tay đùm bọc, chở che, san sẻ, “không để ai ở lại phía sau”.

Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương vinh dự mang tên Bác, đó vừa là niềm tự hào vừa là trách nhiệm phải xây dựng thành phố xứng đáng với những gì cả nước đã tin tưởng. Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra nhiệm vụ “Xây dựng không gian văn hóa Hồ Chí Minh” gắn với đảm bảo hài hòa sự phát triển giữa kinh tế và văn hóa - xã hội và đưa tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh vào cuộc sống. Toàn thể Nhân dân thành phố và trước hết là cán bộ, công chức, viên chức noi theo tấm gương đạo đức của Bác, nâng cao đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và các tệ nạn xã hội, hướng con người tới chân, thiện, mỹ. Đó chính là một nét đẹp văn hóa cụ thể là những chuẩn mực, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã dần trở thành nền nếp công tác, nội dung phấn đấu và rèn luyện của cán bộ, đảng viên tạo nên sự chuyển biến tốt đẹp về tư tưởng, đạo đức, phong cách, lối sống.

Song song với những thành tựu đó, thành phố cũng gặp một số khó khăn, hạn chế:

Nhận thức về xây dựng và phát triển văn hóa của một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa thật sâu sắc và chưa đúng tầm trước các vấn đề về văn hóa, nhất là các vấn đề thực tiễn phát sinh hoặc tác động bởi bối cảnh, tình hình mới. Tư duy về phát triển văn hóa chưa tương xứng với tư duy phát triển kinh tế.

Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã tác động tiêu cực ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Những nỗ lực trong giáo dục truyền thống yêu nước, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa chưa tạo được nội lực đủ mạnh để tạo nên sức đề kháng chống lại sự xâm lấn, lây lan và diễn biến phức tạp của những yếu tố độc hại có tính hủy hoại nhân cách, gây nên suy thoái về đạo đức, lối sống trong xã hội.

Tác động của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và mặt trái của kinh tế thị trường dẫn đến nhiều hệ quả tiêu cực. Lối sống thực dụng, văn

hóa ngoại lai thiếu lành mạnh thâm nhập làm xói mòn, phai nhạt giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc, ảnh hưởng trực tiếp việc gìn giữ, phát triển đạo đức tốt đẹp trong một bộ phận tầng lớp nhân dân, nhất là thanh thiếu niên; một số hoạt động văn hóa, văn nghệ và báo chí, xuất bản có biểu hiện thương mại hóa, thiếu tính giáo dục, thậm chí bất chấp tác hại gây ra cho xã hội; các loại sản phẩm phi văn hóa, độc hại, gây hủy hoại đạo đức xã hội xâm nhập vào đời sống ngày càng nhiều nhưng giải pháp khắc phục, ngăn chặn chưa đạt hiệu quả cao. Sự phát triển nhanh chóng của mạng Internet làm thay đổi thói quen tiếp cận các giá trị văn hóa, nghệ thuật của người dân, dẫn đến việc khó khăn trong công tác định hướng giáo dục nhân cách, đạo đức, thẩm mỹ nghệ thuật của người dân.

Những thành tựu đạt được trong lĩnh vực văn hóa chưa ngang tầm với vị trí, vai trò, khả năng và yêu cầu xây dựng, bảo vệ, phát triển thành phố; đầu tư cho thiết chế văn hóa chưa được quan tâm đúng mức; vai trò quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn

hóa chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, năng lực quản lý ở cơ sở còn yếu; quy hoạch phát triển đô thị thiếu đồng bộ, việc quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội chưa gắn bó chặt chẽ với văn hóa. Nhiều chương trình, dự án còn nặng về lợi ích kinh tế, xem nhẹ yếu tố văn hóa, môi trường; sự chuyển biến về nếp sống văn minh đô thị trên một số mặt chưa thật sự rõ nét, ý thức tôn trọng pháp luật trong một bộ phận người dân chưa cao. Các phong trào xây dựng đời sống văn hóa có lúc, có nơi còn chạy theo thành tích, hình thức.

Văn học - nghệ thuật chưa phản ánh đúng mức thành tựu của công cuộc đổi mới, về lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta, còn thiếu những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Còn nhiều tác phẩm văn hóa, văn học - nghệ thuật kém chất lượng được phát hành, truyền bá; các thế lực thù địch thường xuyên chống phá trên lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật với nhiều hình thức tinh vi, khó lường.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa chưa được quan tâm đúng mức; đội ngũ cán bộ quản lý, tham

muốn lĩnh vực văn hóa có trình độ cao đáp ứng được nhu cầu phát triển văn hóa trong thời kỳ hội nhập còn yếu và thiếu.

Từ những kết quả đạt được, đặc biệt là quan điểm chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI, trong thời gian tới, Thành phố Hồ Chí Minh tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, vai trò của đảng viên trong giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết toàn dân tộc, khát vọng xây dựng đất nước, Thành phố Hồ Chí Minh phát triển phồn vinh, hạnh phúc.

Hai là, tăng cường lãnh đạo xây dựng văn hóa trong chính trị và xây dựng văn hóa trong kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng và hệ thống chính trị. Đẩy mạnh học tập

và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tích cực sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học nghệ thuật; có nhiều giải pháp làm lan tỏa rộng rãi các điển hình học tập và làm theo gương Bác thông qua các sản phẩm văn hóa; thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương, nhất là người đứng đầu các địa phương, đơn vị. Chủ động phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hệ thống chính trị. Chú trọng yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế, xã hội.

Ba là, tiếp tục rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện các Nghị quyết của Trung ương về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới; về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Trong đó, tập trung phát triển toàn diện và đồng bộ về văn hóa, đời sống văn hóa, các thiết chế văn hóa. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào

tạo tại các trường văn hóa, nghệ thuật thành phố theo hướng khoa học, hiện đại, phù hợp với thị trường văn hóa của thành phố.

Bốn là, tập trung xây dựng con người thành phố phát triển toàn diện. Hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam với giá trị đặc trưng riêng có của thanh phố trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người có các đặc tính cơ bản “yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”. Chấn chỉnh kịp thời việc lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để truyền bá mê tín dị đoan; đấu tranh loại trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, các hành vi tiêu cực, cơ hội, trái thuần phong mỹ tục của dân tộc, vi phạm pháp luật.

Năm là, phát huy truyền thống của người dân thành phố: đoàn kết, năng động, sáng tạo, đi đầu, dám chấp nhận thử thách, nhân ái, nghĩa tình; đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây

dựng đời sống văn hóa”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh”, “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”... Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh. Huy động mọi nguồn lực xã hội vào phát triển đời sống văn hóa, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các tầng lớp Nhân dân, giữa ngoại thành và trung tâm thành phố.

Sáu là, tập trung thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, tham gia giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Chương trình hành động số 45-CTHĐ/TU và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người thành phố. Tăng cường phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội thành phố chỉ đạo hệ thống Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, thẩm mỹ cho thế hệ trẻ.

Bảy là, thực hiện phương thức đặt hàng đối với các hội văn học, nghệ

thuật thành phố về các công trình, tác phẩm phát huy tính tích cực trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm trong xã hội, nhất là thanh, thiếu nhi, đồng thời khuyến khích đội ngũ văn nghệ sĩ chủ động đầu tư, nghiên cứu, sáng tạo để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, xứng tầm với thành phố mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghiên cứu, đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật thành phố, nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả; đồng thời phát triển sâu rộng văn học, nghệ thuật quần chúng. Đầu tư nhiều hơn cho hoạt động nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật để định hướng hoạt động văn hóa, hoạt động quản lý văn hóa trên địa bàn thành phố. Phát huy các cơ quan báo chí thường xuyên có nội dung, bài viết về xây dựng và phát triển văn hóa, con người thành phố, kịp thời biểu dương những mô hình, phương thức thực hiện hiệu quả, phê phán, phản ánh những hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật, đạo đức xã hội.

Tám là, Triển khai có hiệu quả Chương trình hành động số 44-CTHĐ/TU ngày 19 tháng 8 năm

2023 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI về “Xây dựng Không gian văn hóa Hồ Chí Minh” nhằm góp phần thực hiện nhiệm vụ quan trọng đó là xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, để văn hóa thực sự trở thành nền tảng vững chắc cho phát triển nhanh và bền vững đất nước; xây dựng con người Việt Nam hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần truyền thống yêu nước, nhân văn, khơi dậy mạnh mẽ tình yêu gia đình, quê hương, Tổ quốc, nâng cao ý chí tự cường và khát vọng phát triển đất nước giàu mạnh, dân chủ, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc; xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại, nghĩa tình; phát huy đặc trưng, văn hóa, tính cách của con người thành phố đoàn kết, năng động, sáng tạo, nhân ái, bao dung, nghĩa hiệp, đương đầu và vượt qua mọi thử thách, để tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng thấm sâu vào tâm hồn, tình cảm của con người thành phố ■

VP UBND TP HỒ CHÍ MINH

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT THỂ HIỆN VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRÊN LĨNH VỰC VĂN HÓA GIAI ĐOẠN 1975 - 2025

● PGS, TS PHẠM DUY ĐỨC

1. Bám sát thực tiễn để ra đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng và phát triển văn hóa đáp ứng yêu cầu của cách mạng.

Trong 10 năm đầu sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (từ 1975 - 1985), xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, Đảng ta tập trung lãnh đạo để cải tạo hệ thống văn hóa, giáo dục chịu ảnh hưởng của chế độ Mỹ - Ngụy ở miền Nam, khôi phục các cơ sở văn hóa, giáo dục ở cả hai miền bị tàn phá do chiến tranh, từng bước xây dựng đời sống văn hóa mới, tổ chức sắp xếp, xây dựng và thống nhất về thể chế quản lý văn hóa thống nhất trên phạm vi cả nước.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (1976), Đảng ta đã khẳng định quyết tâm “đẩy mạnh cách

mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới” trên phạm vi cả nước. Nhiệm vụ trọng tâm của cuộc cách mạng này là xây dựng con người mới, xây dựng nền văn hóa mới; tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng thấu suốt trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, tiến hành đấu tranh chống tư tưởng và văn hóa phản động của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân... Đảng ta yêu cầu tập trung vào cải cách giáo dục trong cả nước, đẩy mạnh sự nghiệp phát triển khoa học, văn học, nghệ thuật; tăng cường giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chống tư tưởng tư sản và tàn dư của tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, xóa bỏ ảnh hưởng của tư tưởng và “văn hóa” của chủ nghĩa thực dân mới

ở miền Nam. Đồng thời, tại Đại hội này, Đảng ta đã nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của các lĩnh vực báo chí, thông tấn, xuất bản, thông tin, truyền thanh, truyền hình, điện ảnh, nhiếp ảnh trên mặt trận văn hóa và tư tưởng. Phương hướng lớn mà Đại hội IV của Đảng đề ra là phải phát triển mạnh mẽ công tác giáo dục, văn hóa, văn nghệ để xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982) tiếp tục khẳng định phương hướng, nội dung, nhiệm vụ để phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Đại hội nhấn mạnh đến phương hướng chung là ra sức phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ thích hợp với từng lứa tuổi, từng địa phương, từng dân tộc. Mở rộng hơn nữa phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, gắn bó với

phong trào sản xuất và chiến đấu, tạo cơ sở và nguồn lực nuôi dưỡng nền văn hóa mới.

Đại hội V của Đảng đặc biệt nhấn mạnh đến xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, đảm bảo mỗi nhà máy, công trường, lâm trường, mỗi đơn vị lực lượng vũ trang, công an nhân dân, mỗi cơ quan, trường học, bệnh viện, cửa hàng, mỗi xã, phường, ấp đều có đời sống văn hóa... Chú trọng xây dựng các thiết chế văn hóa, nhất là ở nông thôn, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số... Đồng thời Đại hội V đã đề xuất quan điểm mới về xã hội hóa các hoạt động văn hóa với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Có thể nói, sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa trong thời kỳ 10 năm đầu sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đã tập trung vào giải quyết thành công những nhiệm vụ to lớn đặt ra. Đó là cải tạo nền văn hóa cũ ở miền Nam dưới thời Mỹ - Ngụy, thống nhất về thể chế và thiết chế quản lý văn hóa trên phạm vi cả nước.

về thể chế và thiết chế quản lý văn hóa trên phạm vi cả nước, khôi phục và phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ; xây dựng và hoàn thiện từng bước các thiết chế văn hóa, văn nghệ từ Trung ương đến địa phương; đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng và phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Những thành tựu trên lĩnh vực xây dựng và phát triển văn hóa trong giai đoạn này góp phần quan trọng vào xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội, phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong cuộc kháng chiến bảo vệ biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc, từng bước tháo gỡ khó khăn và khủng hoảng kinh tế, chuẩn bị tiền đề cho đất nước bước vào thực hiện công cuộc đổi mới sau này.

Từ năm 1986 đến nay (2025), bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước vì mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, cùng với quá trình nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, vai trò lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa *đã được nâng lên ở tầm cao mới*. Vai trò lãnh đạo này được thể hiện tập trung ở việc xây

dựng tầm nhìn chiến lược để xây dựng và phát triển văn hóa và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. *Tầm nhìn chiến lược* về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam được thể hiện tập trung trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) và Cương lĩnh (Bổ sung và phát triển năm 2011). Trong Cương lĩnh (năm 1991), Đảng ta đã xác định: Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và xây dựng con người có điều kiện phát triển toàn diện, trở thành một trong những mục tiêu và đặc trưng của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta hướng tới. Trong Cương lĩnh này, Đảng ta khẳng định: “Xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra một đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung *nhân đạo, dân chủ, tiến bộ*”¹.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (2001) đã cụ thể hóa tư tưởng chỉ đạo của Cương lĩnh 1991 về văn hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội nêu rõ vai trò và mục tiêu của mọi hoạt động văn

hóa, văn nghệ trong bối cảnh mới: *“Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội”*².

Trên cơ sở tổng kết quá trình lãnh đạo văn hóa trong thời kỳ 12 năm tiến hành sự nghiệp Đổi mới, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ năm khóa VIII (1998) đã ban hành một Nghị quyết quan trọng, có ý nghĩa chiến lược về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Trong Nghị quyết này, Đảng ta đã xác định phương hướng, đề ra 5 quan điểm, 10 nhiệm vụ và 4 giải pháp lớn. Trong đó, Đảng ta nhấn mạnh đến giải pháp nâng cao vai trò và hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa. Nghị quyết xác định: Yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta phải *tăng cường và nâng tầm lãnh đạo* trên lĩnh vực văn hóa. Để tăng cường vai trò lãnh đạo của

Đảng trên lĩnh vực văn hóa, Đảng ta xác định một số nội dung quan trọng là nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, xây dựng xã hội mới, khắc phục thái độ xem nhẹ việc xây dựng và đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa; chú trọng xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng, các tổ chức sáng tạo văn hóa, văn nghệ trong việc vận động, tổ chức quần chúng, giới trí thức thực hiện nhiệm vụ văn hóa; chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng trên lĩnh vực văn hóa; chú trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, đẩy mạnh việc giáo dục tư tưởng, đạo đức lối sống, nêu cao tinh thần gương mẫu; thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra của Đảng... Có thể nói đây là *những nhiệm vụ mang tính đồng bộ và toàn diện để nâng cao vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa trong bối cảnh đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp đổi mới đất nước*.

Quá trình triển khai thực hiện Nghị

quyết Trung ương 5 khóa VIII đã tạo nên sự chuyển biến tích cực và toàn diện nhằm làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, tạo nên sự thay đổi trong nhận thức và hành động của các tổ chức Đảng và chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp, các ngành, các địa phương.

Kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 10 khóa IX đã ban hành kết luận: *Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” trong những năm sắp tới*. Kết luận này đã đặt vấn đề phát triển văn hóa gắn kết với kinh tế và chính trị khi xác định: “Đảm bảo sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng chính ổn Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội; tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước”.

Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung và phát triển năm 2011) tiếp tục

xác định: “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”³ là một trong tám phương hướng cơ bản để thực hiện mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ, trước hết là mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI phấn đấu xây dựng nước ta “trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁴.

Cương lĩnh (Bổ sung và phát triển năm 2011) đã xác định: “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”⁵. Đồng thời, Cương lĩnh đã nhấn mạnh: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”⁶.

Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị

quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998), và triển khai tư tưởng chỉ đạo của Cương lĩnh (Bổ sung và phát triển năm 2011), Hội nghị Ban Chấp hành trung ương lần thứ 9 khóa XI đã ban hành Nghị quyết mới: “*Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”. Nghị quyết đã xác định mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, nêu các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp để phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI Về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Kết luận số 76-KL/TW Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI Về xây dựng và phát triển văn

hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đặc biệt quan tâm đến phát huy vai trò của văn hóa trong thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Đảng ta nêu rõ: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”⁷. Về phương hướng xây dựng và phát

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đặc biệt quan tâm đến phát huy vai trò của văn hóa trong thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030.

huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”⁸. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết



Bảo tồn nét đẹp văn hóa lấy nước đầu năm của đồng bào dân tộc Tày, Nùng của tỉnh Cao Bằng _ Ảnh: vov.vn

Đại hội XIII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài phát biểu rất quan trọng để chỉ đạo các tổ chức đảng, các ngành, các cấp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về văn hóa, con người trong bối cảnh mới.

Bên cạnh các văn kiện của Đảng qua các kỳ Đại hội và các Nghị quyết của Trung ương chuyên bàn về văn hóa, Đảng ta còn có các Nghị quyết, Quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương... về các lĩnh vực như văn học, nghệ thuật, báo chí xuất bản, thư viện, xây dựng lối sống,

nếp sống... góp phần cụ thể hóa đường lối phát triển văn hóa của Đảng đối với từng lĩnh vực. Nhìn lại suốt 50 năm vừa qua, mặc dù có thời kỳ gặp nhiều khó khăn, thách thức, Đảng ta luôn quan tâm đến văn hóa và ban hành kịp thời các Nghị quyết quan trọng để lãnh đạo sự nghiệp xây dựng phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

2. Nội dung, nhiệm vụ và phương thức lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa ngày càng được triển khai đồng bộ, toàn diện và sâu sắc hơn.

Trong suốt 50 năm vừa qua, trong

quá trình lãnh đạo văn hóa, Đảng ta đã không ngừng bổ sung, phát triển những quan điểm chỉ đạo, nội dung, nhiệm vụ mới.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) đã xác định khái niệm văn hóa được sử dụng để lãnh đạo bao gồm tất cả các lĩnh vực liên quan đến đời sống tinh thần của xã hội, từ tư tưởng đạo đức, lối sống; môi trường văn hóa; giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ; di sản văn hóa; văn học nghệ thuật; thông tin đại chúng; văn hóa trong tôn giáo; văn hóa trong đồng bào các dân tộc thiểu số; thể chế văn hóa; giao lưu quốc tế về văn hóa. Như vậy, đối tượng lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực văn hóa cụ thể ngày càng bao quát rộng rãi và toàn diện, trong đó, Đảng ta nhấn mạnh đến xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa là những lĩnh vực quan trọng nhất, cần được quan tâm đặc biệt.

Về quan điểm chỉ đạo, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII đã xác định 5 quan điểm chỉ đạo gồm:

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.
- Nền văn hóa mà chúng ta xây

dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

- Văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Trong hệ thống các quan điểm này đã bao hàm toàn diện những vấn đề cơ bản và cốt lõi, từ xác định vai trò vị trí của văn hóa tới phương hướng, đặc trưng, chủ thể và đặc thù của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa.

Trên cơ sở này, Nghị quyết nêu rõ 10 nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa gồm:

Xây dựng con người Việt Nam; Xây dựng môi trường văn hóa; Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; Phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ; Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng; Chính sách văn hóa đối với tôn

giáo; Mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa; Củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa

Trong đó, Đảng ta đặt trọng tâm vào “nhiệm vụ xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh trong xã hội, trước hết là trong các tổ chức Đảng và Nhà nước, trong các đoàn thể quần chúng và trong từng gia đình”⁹.

Những phương hướng, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã được triển khai một cách sâu rộng, được các cấp ủy và chính quyền, đoàn thể các cấp, các ngành cụ thể hóa thành các chương trình hành động, tạo nên một phong trào quần chúng rộng khắp để xây dựng và phát triển sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 9 khóa XI (2014) đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW Về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. *Tư tưởng cơ bản của Nghị quyết này là gắn kết chặt chẽ hơn*

*nữa giữa xây dựng văn hóa với phát triển con người hướng tới đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Mục tiêu chung là: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*¹⁰. Kế thừa các nội dung trong văn kiện Đại hội IX, X, XI về văn hóa, Nghị quyết này nhấn mạnh mục tiêu cụ thể đầu tiên là: “Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật, đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước”¹⁰. Nghị quyết này đã tiếp thu, kế thừa và bổ sung một số quan điểm mới. Các quan điểm chỉ đạo gồm:

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. *Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.*

- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của các cộng đồng dân tộc Việt Nam, *với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.*

- Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các *đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.*

- Xây dựng *đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó có vai trò của gia đình, cộng đồng.* Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của nhân dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, *nhân dân là chủ thể sáng tạo*, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng¹¹.

Trong các quan điểm này, Đảng ta bổ sung và nhấn mạnh một số nội dung mới là:

- Phải đặt văn hóa ngang tầm với chính trị và kinh tế

- Làm rõ đặc trưng của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

- Khẳng định mục tiêu của phát triển văn hóa là hướng tới xây dựng nhân cách con người là trọng tâm với các đặc tính cơ bản là yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

- Nhấn mạnh vai trò chủ thể sáng tạo văn hóa là nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng

Đồng thời, trong Nghị quyết này, Đảng ta bổ sung các nhiệm vụ mới là: *Xây dựng văn hóa trong chính trị và trong kinh tế; Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa.* Đây là nhiệm vụ rất quan trọng liên quan đến mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị và kinh tế, khẳng định vai trò động lực và nguồn lực của văn hóa đối với sự

phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Để phát huy giá trị văn hóa trở thành “sức mạnh mềm” của đất nước trong giao lưu và hội nhập quốc tế, Đảng ta chủ trương phát triển văn hóa đối ngoại và Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt *Chiến lược phát triển văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (theo Quyết định số 210/QĐ/TTg ngày 8/2/2015)*.

Đứng trước quá trình đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, Đảng ta đặc biệt chú ý đến vấn đề *xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam* được nêu trong Nghị quyết này. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “*Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam*”. Đại hội yêu cầu: “*Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới*”¹².

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng ta luôn quan tâm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và

phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Đồng thời, Đảng ta đã khái quát những nhiệm vụ cơ bản để phát triển bền vững hiện nay là: *Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên*.

Như vậy, mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước không phải chỉ yêu cầu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mà còn *phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với chính trị, kinh tế, xã hội, trở thành động lực, mục tiêu và nguồn lực cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước*. Vì vậy, trong văn kiện Đại hội XIII vừa qua, Đảng ta đã nhấn mạnh vai trò của nhân tố văn hóa và con người trong phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, *từ mục tiêu, phương hướng, quan điểm, khâu đột phá và nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội*. Từ đó, vai trò

lãnh đạo văn hóa của Đảng ngày càng được khẳng định và mang tính *toàn diện, cụ thể, sâu sắc, mang tính thực tiễn cao hơn*. Điều này thể hiện ở quyết tâm chính trị của Đảng trong chỉ đạo, lãnh đạo nâng cao chất lượng toàn diện nhiệm vụ xây dựng con người và môi trường văn hóa, trong các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, phát triển văn học, nghệ thuật, thông tin đại chúng, trong xây dựng văn hóa trong chính trị và trong kinh tế; phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và thị trường văn hóa, phát triển văn hóa đối ngoại.

Trong quá trình lãnh đạo văn hóa trong 50 năm qua, Đảng ta không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng vừa đảm bảo định hướng chính trị, vừa phát huy quyền tự do, dân chủ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các chủ thể khác nhau phát huy vai trò, trách nhiệm và năng lực của mình để xây

dựng, phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Đường lối phát triển văn hóa của

Trong quá trình lãnh đạo văn hóa trong 50 năm qua, Đảng ta không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng vừa đảm bảo định hướng chính trị, vừa phát huy quyền tự do, dân chủ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các chủ thể khác nhau phát huy vai trò, trách nhiệm và năng lực của mình.

Đảng đảm bảo *tính tư tưởng, tính khoa học và tính thực tiễn*, góp phần phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống cách mạng của dân tộc, tăng cường và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân để xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo lập nền tảng tinh thần lành mạnh, làm động lực thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp

phần cùng các lĩnh vực khác làm nên những thắng lợi to lớn, *có ý nghĩa lịch sử, xây dựng cơ đồ, vị thế, tiềm lực và uy tín quốc tế của Việt Nam trên trường quốc tế*.

Nhìn lại 50 năm lãnh đạo văn hóa của Đảng, bên cạnh những thành tựu nổi bật trong quá trình thực hiện các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng, phát triển văn hóa, con

người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước, chúng ta cũng cần chỉ rõ những hạn chế trong công tác lãnh đạo văn hóa của Đảng. Đó là tình trạng nhận thức về vai trò, vị trí của văn hóa, con người trong phát triển đất nước chưa được đồng bộ trong cán bộ, đảng viên và xã hội. Vấn đề tu dưỡng, rèn luyện, xây dựng con người chưa được quan tâm đúng mức. Tình trạng tha hóa về đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn hiệu quả. Việc thể chế hóa đường lối, chủ trương phát triển văn hóa còn chậm. Đầu tư cho văn hóa chưa tương xứng với vai trò, vị thế của

văn hóa trong phát triển. Nguồn lực để xây dựng và phát triển văn hóa còn thiếu và yếu. Việc tổ chức triển khai các Nghị quyết của Đảng về văn hóa chưa đồng bộ, chưa thường xuyên. Công tác chăm lo, xây dựng đội ngũ cán bộ làm văn hóa và đội ngũ trí thức văn nghệ sĩ chưa được quan tâm đúng mức... Vì vậy, để nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa và xây dựng con người, Đảng phải không ngừng phát huy những thành tựu đạt được, khắc phục những hạn chế, yếu kém trên, tạo ra xung lực mới để phát huy vai trò của văn hóa trong thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc ■

^{1,2} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới* (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.322, 493-494.

^{3,4,5,6} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.71, 75-76, 75-76, 75-76.

^{7,8,13} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.115-116, 115-116, 143.

⁹ ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCH TƯ khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.69.

^{10,11,12} ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.46-47, 47, 48-49.

BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG 50 NĂM QUA

● PGS, TS LÊ THỊ THU HIỀN

*Cục trưởng Cục Di sản văn hóa,
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA

1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế

Ngay sau khi đất nước giành được độc lập, ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65/SL về “Bảo tồn cổ tích trên toàn cõi Việt Nam”, từ 1945 - 1975, đã ban hành 01 Nghị định, 02 Chỉ thị và 01 Thông tư. Giai đoạn từ sau năm 1975 cho

đến trước thời điểm Luật Di sản văn hóa năm 2001 ra đời, một số văn bản tiếp tục được ban hành, tiêu biểu như: Chỉ thị số 352-TTg ngày 07/ 10/1977 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng

cường công tác bảo tồn di tích lịch sử của giai đoạn chống Mỹ cứu nước; Pháp lệnh số 14 LCT/HĐNN ngày 04/01/1984 về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh; Nghị định số 288-HĐBT ngày 31/12/1985 của Hội đồng Bộ trưởng quy định việc thi hành Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh...

Để hiện thực hóa Nghị quyết Trung ương 5 Khóa VIII vào thực tiễn đời sống cuối năm 1998, việc soạn thảo Luật di sản văn hóa đã được triển khai. Luật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa X kỳ họp

thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001, xác định rõ vấn đề bảo tồn di sản văn hóa của các dân tộc ở Việt Nam (bao gồm cả di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể) - đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về di sản văn hóa, phản ánh một bước chuyển biến rõ rệt, tích cực về nhận thức và quyết

tâm của toàn xã hội trên hành trình bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Từ đó đến nay, hệ thống pháp luật về di sản văn hóa ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, hiện có 01 Luật, 01 Luật sửa đổi, bổ sung; 11 Nghị định của Chính phủ; 03 Quyết định và 01 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Văn hóa, Thể thao và



Học sinh Trường PTDTN Nước Oa trình diễn múa cồng chiêng tại Lễ hội văn hóa các dân tộc huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Ngãi _ Ảnh: IT

Du lịch đã ban hành 18 Thông tư, 04 Quyết định, 01 Chỉ thị theo thẩm quyền; đồng thời, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ để ban hành 02 Thông tư liên tịch. Có thể khẳng định, Di sản văn hóa cũng là lĩnh vực chuyên ngành có hệ thống văn bản pháp lý hoàn chỉnh sớm nhất



trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Theo thống kê từ Báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, đã có tổng cộng 300 văn bản liên quan được ban hành nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Hầu hết Ủy ban nhân nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn; 08 Di sản thế giới đã ban hành Kế hoạch quản lý, Quy chế bảo vệ của từng khu di sản; nhiều địa phương đã ban hành quy chế quản lý và bảo vệ di sản văn hóa, quy chế phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành ở địa phương trong việc phối hợp thực hiện các nội dung quy định của pháp luật về di sản văn hóa và tôn giáo, tín ngưỡng.

2. Về xếp hạng, ghi danh di sản văn hóa

Theo số liệu thống kê trước năm 1975 công tác kiểm kê, xếp hạng, ghi danh di sản văn hóa chỉ mới thực hiện trên lĩnh vực di tích (năm 1962 là 62 di tích xếp hạng, năm 1964 là 31 di

tích, năm 1974 là 10 di tích, năm 1975 là 13 di tích). Từ khi Luật Di sản văn hóa năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 có hiệu lực thi hành, hoạt động kiểm kê, lập hồ sơ khoa học để nghị xếp hạng/công nhận/ghi danh di sản văn hóa (trên các lĩnh vực di tích, di sản văn hóa phi vật thể, bảo vật quốc gia) mới được quan tâm, tổ chức thực hiện bài bản trên cả nước. Theo kết quả kiểm kê di tích của các địa phương cho biết, trên cả nước hiện có gần 4 vạn di tích, trong đó, đã công nhận/xếp hạng 08 di sản thế giới, 130 di tích quốc gia đặc biệt, 3.628 di tích quốc gia, trên 11.000 di tích cấp tỉnh và nhiều công trình, địa điểm có giá trị tiêu biểu về văn hóa, khoa học, lịch sử đã được đặt dưới sự bảo vệ của pháp luật ; khoảng 70.000 di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê trên địa bàn cả nước, 560 di sản văn hóa phi vật thể

được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, 15 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh tại các Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp, 09 di sản tư liệu thuộc chương trình Ký

Từ khi Luật Di sản văn hóa năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 có hiệu lực thi hành, hoạt động kiểm kê, lập hồ sơ khoa học để nghị xếp hạng/công nhận/ghi danh di sản văn hóa (trên các lĩnh vực di tích, di sản văn hóa phi vật thể, bảo vật quốc gia) mới được quan tâm, tổ chức thực hiện bài bản trên cả nước.

úc thế giới. Nhà nước đã tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, qua các đợt xét tặng đã có 131 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” và 1.619 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”.

Các bảo tàng đầu tiên ở Việt Nam đã ra đời vào đầu thế kỷ XX cùng với

sự du nhập của văn hóa phương Tây vào Việt Nam. Đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, ở Việt Nam, thông qua các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, sưu tầm, xây dựng sưu tập,

người Pháp đã lần lượt cho xây dựng ở nước ta 7 bảo tàng lớn. Từ năm 1954 đến năm 1975, với sự giúp đỡ của một số nước Đông Âu, sự nghiệp bảo tàng Việt Nam đã có sự chuyển biến cơ bản. Năm 1958, từ cơ sở Bảo tàng Louis Finot, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam ra đời. Năm 1959, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam khánh thành sau 5 năm thu thập tài liệu và chuẩn bị trưng bày. Cũng trong năm 1959, Bảo tàng Quân đội Việt Nam (nay là Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam) được thành lập. Năm 1966, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đời. Bảo tàng này là nơi lưu giữ và giới thiệu các sưu tập hiện vật tiêu biểu về lịch sử mỹ thuật Việt Nam, đặc biệt là các tác phẩm mỹ thuật thời kỳ cận hiện đại. Cũng trong thời kỳ này, một số bảo tàng địa phương đầu tiên được thành lập: Bảo tàng Hải Phòng (1959), Bảo tàng Khu tự trị Việt Bắc (năm 1963, nay là Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam). Ở miền Nam, cho đến thời điểm thống nhất đất nước năm 1975, ngoài các bảo tàng do người Pháp xây dựng từ trước năm 1945, không có những bảo tàng lớn được xây dựng trong khoảng thời gian này. Từ năm 1975 đến năm 1986, có

44 bảo tàng được thành lập, khánh thành, trong đó nhiều bảo tàng tỉnh và thành phố. Từ năm 1986, cùng với quá trình đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước, nhiều bảo tàng mới ra đời hoặc được nâng cấp với sự đầu tư lớn của nhà nước như: Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam... Cho đến nay, ở Việt Nam đã hình thành một mạng lưới với 200 bảo tàng (gồm 127 bảo tàng công lập và 73 bảo tàng ngoài công lập), lưu giữ và trưng bày hơn 4 triệu tài liệu, hiện vật, 294 hiện vật và nhóm hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia.

3. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

Những năm qua, thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, ngân sách nhà nước hàng năm đều quan tâm cấp cho mục tiêu bảo tồn chống xuống cấp di tích, kết quả như sau: Giai đoạn 2001 - 2005: 533 di tích, kinh phí 518,35 tỷ đồng; giai đoạn 2006 - 2010: 1.218 di tích, kinh phí 1.510,47 tỷ đồng; giai đoạn 2011 - 2015: 1.302 di tích, kinh phí 1.436,844 tỷ đồng; iai đoạn 2016 -

2020: 471 di tích, kinh phí 245 tỷ đồng (Chưa bao gồm một số di tích quốc gia đặc biệt, Di sản thế giới được hỗ trợ đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công); giai đoạn 2021 - 2025: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 phê duyệt Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025. Công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích đã đạt được những hiệu quả tích cực, đã huy động được nguồn vốn không nhỏ từ các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, cộng đồng và nguồn vốn viện trợ của UNESCO, các tổ chức Chính phủ, phi chính phủ cho bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích. Theo số liệu thống kê từ các địa phương, giai đoạn

từ năm 2010 đến nay, nguồn xã hội hóa cho tu bổ, tôn tạo di tích lên tới hàng nghìn tỷ đồng.

Các bảo tàng tiếp tục được đổi mới về phương thức hoạt động, theo hướng tăng cường hiện vật gốc và ứng dụng thành tựu của khoa học kỹ thuật để làm phong phú và hấp dẫn nội dung trưng bày, đổi mới hình thức phục vụ công chúng; xây dựng các phòng giáo dục và chương trình giáo dục dành riêng cho học sinh phổ thông; chủ động kết hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức thường xuyên các cuộc trưng bày chuyên đề; kết hợp với việc trình diễn, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể tại bảo tàng, nhằm thực hiện tốt công tác giáo dục truyền thống nâng

cao văn hóa, khoa học cho công chúng, đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh, đất nước Việt Nam trên trường quốc tế. Một số bảo tàng ngoài công lập có mô hình hoạt động hiệu

Giai đoạn 2021 - 2025: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 phê duyệt Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025. Công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích đã đạt được những hiệu quả tích cực.

quả, thu hút nhiều đối tượng công chúng tham quan, góp phần phát triển du lịch, như: Bảo tàng Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt và tù đày (Hà Nội), Bảo tàng Đồng Quê (Nam Định), Bảo tàng Nước mắt Làng chài xưa (Bình Thuận), Bảo tàng Thế giới Cà phê (Đắk Lắk)...

Việc quản lý, bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tại di tích đã có những bước tiến rõ rệt hơn. Theo thống kê những năm gần đây số vụ mất cắp cổ vật tại di tích đã giảm hẳn cả về số lượng và mức độ nghiêm trọng, hầu hết các vụ vi phạm đều được các cơ quan điều tra giải quyết kịp thời, nhiều vụ việc được xử lý, trả lại cổ vật bị mất cắp cho di tích. Hầu như không còn tình trạng thăm dò, khai quật địa điểm khảo cổ không có giấy phép của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (trường hợp khai quật thông thường), của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp khai quật khẩn cấp). Việc tự ý tìm kiếm, đào bới làm sai lệch hoặc gây nguy cơ xâm hại, hủy hoại địa điểm khảo cổ, di vật khảo cổ; trao đổi, mua bán và vận chuyển trái phép di vật khảo cổ đã giảm hẳn.

Di sản văn hóa phi vật thể được sưu tầm nghiên cứu, phục dựng, trao truyền và tổ chức trình diễn đã trực tiếp nâng cao đời sống văn hóa ở cơ sở và phát triển kinh tế-xã hội cộng đồng cư dân tại địa phương. Các di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục quốc gia, quốc tế; các nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa được phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Nghệ nhân ưu tú” đã khơi dậy niềm tự hào và khuyến khích mạnh mẽ các cộng đồng có di sản, các cấp chính quyền địa phương, toàn xã hội quan tâm, tự nguyện và chủ động tham gia bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, đẩy mạnh giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể của địa phương mình, tạo thêm động lực trong quá trình xã hội hóa các hoạt động bảo tồn di sản văn hoá. Tại một số địa phương, nhiều di sản văn hóa phi vật thể đã trở thành những điểm đến thu hút khách trong và ngoài nước, tạo nên thương hiệu/dấu ấn riêng của địa phương có di sản (Lễ hội Đền Sóc, Chùa Hương ở Hà Nội, Lễ hội Đền Hùng Phú Thọ, Lễ hội Côn Sơn - Kiếp Bạc ở Hải Dương, Lễ hội Yên Tử ở Quảng Ninh, Ca Huế, Đua Ghe ngo Sóc Trăng, Lễ hội Bà Chúa Xứ

An Giang, Lễ hội Ook om bok Trà Vinh, Lễ hội Kate hay Gốm Chăm ở Bà TrúC Ninh Thuận...).

Các Di sản tư liệu góp phần vào việc tuyên truyền văn hóa đọc, nâng cao tinh thần ham học, giáo dục truyền thống lịch sử, phát huy bản sắc dân tộc: Từ nội dung đơn giản giáo dục về lịch sử, địa lý, truyền thống hiếu học hay những câu chuyện về đạo làm người... cho các lứa tuổi học sinh trong sách giáo khoa của Một bản trường Phúc Giang; đến triết lý sử dụng nhân tài đất nước như “hiền tài là nguyên khí quốc gia” trên Bia Tiến sĩ Văn Miếu Thăng Long; hay những chặng đường hình thành lịch sử của Phật giáo và những đúc kết từ hiện thực cuộc sống về các bài thuốc dân gian, đánh dấu sự phát triển của y học, khoa học... chứa đựng trong Một bản chùa Vĩnh Nghiêm. Ngoài ra, Di sản tư liệu còn góp phần quan trọng trong việc xác định và bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải của Tổ quốc, nghiên cứu tổ chức, bộ máy điều hành của triều đại phong kiến (Một bản triều Nguyễn, Châu bản triều Nguyễn, Hoàng Hoa sứ trình đồ - Hành trình đi sứ Trung Hoa).

4. Vị thế của di sản văn hóa trên trường quốc tế

Trên lĩnh vực quốc tế, Việt Nam đã từng bước ký kết, tham gia và trở thành thành viên chính thức của 04/06 Công ước UNESCO, đó là: Công ước UNESCO 1972 về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới, Công ước UNESCO 1970 về các biện pháp ngăn cấm xuất, nhập khẩu và chuyển giao trái phép quyền sở hữu tài sản văn hóa, Công ước UNESCO 2003 về Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể, Công ước UNESCO 2005 Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa. Việc tham gia các Công ước nói trên đã chứng tỏ sự hội nhập thực sự của Việt Nam vào cộng đồng quốc tế trên lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Trước năm 1975 Việt Nam chưa có di sản được UNESCO ghi danh/công nhận, nhưng đến nay chúng ta đã có 32 di sản văn hóa được UNESCO ghi danh/công nhận.

Uy tín và kinh nghiệm của Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế công nhận, thông qua việc tin nhiệm bầu chọn nhiều vị trí quan trọng trong cơ chế hợp tác UNESCO như: Thành

viên Ủy ban Di sản Thế giới nhiệm kỳ 2013 - 2017, 2023 - 2027 ; Ủy ban liên Chính phủ, Đại hội đồng Công ước UNESCO 2005; thành viên Ban tư vấn Ủy ban liên Chính phủ Công ước UNESCO 2003; Ủy viên Hội đồng chấp hành UNESCO nhiệm kỳ 2015 - 2019, 2021 - 2025. Đặc biệt, ngày 22/11/2023 tại thủ đô Paris, Cộng hòa Pháp, trong khuôn khổ Kỳ họp Đại hội đồng lần thứ 24 các quốc gia thành viên Công ước 1972, Việt Nam đã trúng cử trở thành Thành viên của Ủy ban Di sản Thế giới nhiệm kỳ 2023 - 2027 với số phiếu cao nhất (121/170 phiếu) trong số các nước ứng cử thuộc nhóm Châu Á - Thái Bình Dương.

5. Đóng góp của di sản văn hóa cho phát triển kinh tế xã hội và môi trường bền vững

Các di tích, danh lam thắng cảnh sau khi được xếp hạng, ghi danh và được

tu bổ, tôn tạo đã trở thành địa chỉ đỏ trong việc thu hút ngày càng đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế tới tham quan, nghiên cứu. Như Quần thể di tích Cố đô Huế (năm 1993) và Vịnh Hạ Long (năm 1994) từ khi mới được ghi danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới chỉ có vài chục nghìn khách du lịch, đến nay đã thu hút tới hàng triệu khách tới tham quan, nghiên cứu. Đặc biệt Quần thể danh thắng Tràng An, thời điểm lập hồ sơ đề cử năm 2012 chỉ có trên 01 triệu lượt khách, đến năm 2019 (sau 05 năm được UNESCO ghi danh) đã thu hút hơn 6,3 triệu lượt khách. Năm 2019, riêng

Ngày 22/11/2023 tại thủ đô Paris, Cộng hòa Pháp, trong khuôn khổ Kỳ họp Đại hội đồng lần thứ 24 các quốc gia thành viên Công ước 1972, Việt Nam đã trúng cử trở thành Thành viên của Ủy ban Di sản Thế giới nhiệm kỳ 2023 - 2027 với số phiếu cao nhất (121/170 phiếu) trong số các nước ứng cử thuộc nhóm Châu Á - Thái Bình Dương.

08 Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới ở Việt Nam đã đón khoảng 21.336.148 khách du lịch (trong đó có 10.656.114 khách quốc tế), với doanh thu từ vé tham quan và phí dịch vụ trực tiếp khoảng 3.123 tỷ đồng. Năm 2023, Vịnh Hạ Long (đón 2,68 triệu khách, doanh thu đạt 780 tỷ

đồng), Quần thể di tích Cố đô Huế (đón 2,325 triệu khách, tổng doanh thu 355,938 tỷ đồng), Khu Phố cổ Hội An (khoảng 1,7 triệu khách, thu từ vé tham quan đạt khoảng 194,5 tỷ đồng), Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (đón 696.167 khách, doanh thu đạt 278 tỷ đồng), Khu đền tháp Mỹ Sơn (đón 380.000 khách, doanh thu đạt 60,305 tỷ đồng), Hoàng thành Thăng Long đón 702.871 khách, doanh thu đạt 15 tỷ 541 triệu đồng), Quần thể danh thắng Tràng An (đón hơn 4,6 triệu khách, tổng doanh thu dịch vụ du lịch đạt 4.527 tỷ đồng). Các số liệu thống kê đã cho thấy sự đóng góp to lớn của di sản thế giới trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của quốc gia và địa phương kể từ khi được UNESCO ghi danh. Nguồn thu từ ngành du lịch và dịch vụ thương mại nói chung, từ các Di sản thế giới nói riêng đã đóng góp đáng kể vào tổng GDP của các địa phương có Di sản thế giới.

Các di tích, di sản thế giới ở Việt Nam đã có những đóng góp không nhỏ vào sự bền vững của môi trường. Sự đóng góp đó được biểu hiện trong việc bảo vệ, bảo tồn các giá trị nổi bật toàn cầu của di sản (sự đa dạng đặc biệt về sinh học, về địa hình, nguồn nước, cảnh quan và những đặc điểm tự nhiên, những yếu tố văn bản khác). Trong số các di tích, không ít di sản có các khu vực bảo vệ rộng lớn và còn gìn giữ, bảo tồn hệ sinh thái đa dạng về động, thực vật, nước, hang động, rừng, không khí (Vịnh Hạ Long, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quần thể danh thắng Tràng An, Khu đền tháp Mỹ Sơn, Yên Tử, Vườn Quốc gia Cát Tiên)... Chính điều đó đã góp phần quan trọng vào việc đảm bảo môi trường bền vững, giảm thiểu rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, cũng cần phải nói đến các hoạt động được phép diễn ra tại các di tích, di sản thế giới đều được kiểm soát và áp dụng các biện pháp

khai thác theo hướng bảo vệ môi trường bền vững, theo đặc thù riêng của từng di sản.

Các di tích, di sản thế giới cũng đóng góp vào việc phát triển xã hội, kinh tế bền vững. Có thể minh chứng điều này qua trường hợp Khu phố cổ Hội An, với việc chính quyền và nhân dân thành phố Hội An đã đẩy mạnh hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị Di sản thế giới và đã đạt được những kết quả nổi bật, đặc biệt là việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển du lịch - dịch vụ và thương mại trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Với số lượng khách tham quan Khu phố cổ Hội An ngày càng tăng, từ gần 879 nghìn khách năm 2006 đến năm 2019 đã tăng lên gần 2,5 triệu lượt. 20 năm qua (từ khi trở thành Di sản thế giới) ngành kinh tế này đã tăng vượt bậc và hiện chiếm tỷ trọng hơn 70% so với GDP toàn thành phố. Các nguồn thu này đã giúp bổ sung phần đáng kể vào nguồn tài chính dành cho các chi phí địa phương trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, an ninh và cho chính việc bảo tồn Di sản thế giới Khu phố cổ Hội An. Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật và các dịch vụ phục vụ du

khách ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đó, tại các khu di sản hình thành các tuyến, điểm du lịch với các hình thức du lịch có trách nhiệm, bền vững như du lịch cộng đồng, du lịch làng nghề, du lịch làng vườn, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch biển... vừa tạo ra sản phẩm du lịch văn hóa mới, vừa góp phần giảm tải cho các khu vực vùng lõi của di sản, góp phần giải quyết việc làm và cải thiện sinh kế cho cộng đồng địa phương. Ngoài ra, các loại hình di sản văn hóa phi vật thể tại khu di sản, nhất là làng nghề truyền thống, nghệ thuật biểu diễn truyền thống được khôi phục, phát huy, ngày càng thu hút du khách.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA

1. Khó khăn, vướng mắc

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa còn chưa xử lý được đầy đủ những phát sinh, vướng mắc trong quá trình quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Việc tuyên truyền, quảng bá và xây dựng các sản phẩm du lịch gắn

trực tiếp với từng khu di sản, thể hiện và phát huy được nét đặc thù của địa phương ở một số khu di sản chưa đạt hiệu quả cao. Công tác truyền thông, xúc tiến du lịch và tổ chức các hoạt động dịch vụ tại một số khu di sản còn hạn chế, thậm chí còn làm méo mó di sản, ảnh hưởng đến thương hiệu và sức thu hút khách tham quan. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia chưa bắt kịp được yêu cầu.

- Kinh phí đầu tư cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, hiệu quả đầu tư chưa cao. Việc thu hút các nguồn lực xã hội hóa cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa chưa thực sự có hiệu quả.

- Nhiều bảo tàng cấp tỉnh vẫn phải dùng chung trụ sở với đơn vị khác, rất khó khăn khi triển khai hoạt động. Nhiều trụ sở bảo tàng cấp tỉnh hiện nay chỉ là các công trình kiến trúc vốn xây dựng cho những mục đích sử dụng khác (kho tàng, công sở, thậm chí là nhà thờ công giáo...), nay được cải tạo để làm bảo tàng, nên không đáp ứng yêu cầu về không gian chức năng và kỹ thuật. Đối với một số công trình nhà bảo tàng được xây

dựng mới, khi triển khai các dự án xây dựng thì nguồn kinh phí đầu tư cho trưng bày bảo tàng chưa được chú trọng, còn khá phổ biến tình trạng chỉ chú trọng đầu tư cho phần xây “vỏ” ngôi nhà, chưa đầu tư thỏa đáng cho phần trưng bày và việc chuẩn bị cho trưng bày chưa được đi trước một bước.

- Nhận thức xã hội về di sản văn hóa chưa thật sự đồng đều, sâu sắc và toàn diện, nhất là trong việc xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển; việc tuyên truyền, quảng bá về di sản văn hóa chưa mang lại hiệu quả như mong đợi.

- Một số ít địa phương, đơn vị chưa chấp hành tốt pháp luật về di sản văn hóa, còn dễ xảy ra vi phạm trong hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích; một số địa phương chưa quan tâm đầu tư kinh phí đúng mức cho hoạt động tu bổ di tích dẫn đến tình trạng một số di tích bị xuống cấp, ảnh hưởng đến sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của người dân.

2. Nguyên nhân chủ yếu

- Hệ thống văn bản pháp luật về di sản văn hóa vẫn còn thiếu đồng bộ, một số nội dung vẫn bị chồng chéo bởi các luật khác, nhiều vấn đề phát

sinh từ thực tiễn chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

- Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển chưa được xử lý hài hòa. Việc bảo tồn chưa được ưu tiên và coi trọng, tại các khu di sản, việc phát triển du lịch một cách mạnh mẽ trong khi chưa có đủ cơ sở hạ tầng, chưa có những công cụ pháp lý hữu hiệu để điều chỉnh các hành vi liên quan đã làm cho di sản có nguy cơ bị ô nhiễm do quá tải, nhất là trong mùa lễ hội.

- Việc tuyên truyền, quảng bá và xây dựng các sản phẩm du lịch gắn trực tiếp với từng khu di sản, thể hiện và phát huy được nét đặc thù của địa phương ở một số khu di sản chưa đạt hiệu quả cao. Công tác truyền thông, xúc tiến du lịch và tổ chức các hoạt động dịch vụ tại một số khu di sản còn hạn chế, thậm chí còn làm méo mó di sản, ảnh hưởng đến thương hiệu và sức thu hút khách tham quan. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia chưa bắt kịp được yêu cầu.

- Tư duy của cán bộ quản lý di sản văn hóa còn chậm đổi mới, vẫn còn tâm lý trông chờ, chưa thực sự mạnh mẽ, quyết đoán, bứt phá để tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng được cơ

chế chính sách phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động lâu dài. Nhận thức của chính quyền các cấp về di sản văn hóa phi vật thể là không đồng đều. Cho nên cần thiết xây dựng chiến lược đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, nghiên cứu về di sản văn hóa phi vật thể ở các cấp.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA

Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 09/6/2014, Hội nghị lần thứ Chín, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đã xác định rõ 6 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó, việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung giữ vai trò thiết yếu trong việc thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, đặc biệt là nhiệm vụ thứ nhất - Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện “*Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát*

triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc” và nhiệm vụ thứ tư - Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa “*Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch”*, để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội; là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững.

Nhằm đẩy mạnh công tác phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa, trong thời gian tới cần triển khai, một số giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về di sản văn hóa, tập trung vào việc xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành, theo định hướng: Hoàn thiện các quy định về nguyên tắc, đối tượng, trình tự, thủ tục kiểm kê, nhận diện, ghi danh, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di

sản văn hóa ở các lĩnh vực di sản văn hóa vật thể (di tích; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia), di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu và hoạt động bảo tàng; Nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của các cơ quan trực tiếp quản lý di sản, tăng cường nội dung, trách nhiệm, cơ chế thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước về di sản văn hóa từ Trung ương đến địa phương; tăng cường nội dung, cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa và thu hút, nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa...

- Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về di sản văn hóa thông qua việc tăng cường công tác tuyên truyền và đa dạng hóa cách thức phổ biến pháp luật về di sản văn hóa, để các cấp quản lý và từng người dân hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình trong việc cùng chung tay bảo vệ di sản. Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, gắn kết di sản với phát triển du lịch, thu hút du khách tham quan, góp phần phát triển du lịch bền vững, nâng cao đời sống cộng đồng địa phương.

- Tiếp tục nghiên cứu, lập hồ sơ đề trình UNESCO công nhận các di sản

văn hóa tiêu biểu của Việt Nam. Trong đó, chú trọng đến di sản văn hóa ở những khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, giao thông chưa phát triển, nhưng lại có văn hóa truyền thống, cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, nên có sức thu hút lớn khách du lịch tới tham quan, nghiên cứu (như: Khu di sản thiên nhiên Ba Bể - Na Hang, Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử, Vĩnh Nghiêm, Côn Sơn - Kiếp Bạc, Địa đạo Củ Chi, Khu di tích khảo cổ Ốc Eo - Ba Thê...).

- Đẩy mạnh hoạt động bảo tồn với phát huy giá trị di sản văn hóa thông qua phát triển du lịch bền vững là hướng đi ưu việt để di sản văn hóa được tồn tại bền vững. Đẩy mạnh hợp tác đầu tư của doanh nghiệp để hoàn thiện cơ sở hạ tầng dịch vụ, đón tiếp khách du lịch tại các Di sản Thế giới, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đón tiếp, thuyết minh đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi và sự thoải mái cho khách du lịch; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hoạt động trải nghiệm, vui chơi, giải trí... Đồng thời, hỗ trợ

đầu tư, phát triển các loại hình du lịch cộng đồng tại các di tích trọng điểm, vừa thu hút khách du lịch, phát triển kinh tế - xã hội, vừa bảo tồn văn hóa truyền thống, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho đồng bào các dân tộc sinh sống tại các khu di sản, di tích. Phát triển du lịch thông qua khai thác bền vững di sản văn hóa là một cách thức góp phần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển trong xu thế hiện nay.

- Ưu tiên đầu tư kinh phí cho hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; dự án chỉnh lý, nâng cấp trưng bày các bảo tàng cấp quốc gia, bảo tàng tại các vùng kinh tế trọng điểm, bảo tàng tại các địa bàn có sức thu hút khách du lịch...

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực, trình độ khoa học cho đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực di sản văn hóa; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin để tư liệu hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa; tăng cường hợp tác quốc tế, tăng cường xã hội hóa hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa ■

"QUỐC HỘI VIỆT NAM CHỈ LÀ CÔNG CỤ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" - MỘT LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC LỖ BỊCH

● Đại tá NGUYỄN ĐÌNH BẢNG

Tạp chí Quốc phòng toàn dân

Thời gian qua, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tung ra nhiều luận điệu, chiêu trò để chống phá, phủ nhận vị trí, vai trò, chức năng của Quốc hội nước ta; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, chia rẽ mối quan hệ căn cốt, máu thịt giữa Đảng với Quốc hội và giữa Quốc hội với Nhân dân. Chúng cho rằng, Quốc hội Việt Nam không phải là đại diện cho quyền lực, ý chí, nguyện vọng của nhân dân Việt Nam; chỉ là cơ quan hợp thức hóa ý chí, quyền lực của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Theo họ, trên thực tế quyền lực của nhân dân không được thực hiện, Quốc hội Việt Nam chỉ giữ vai trò biểu quyết thông qua các quyết định của Đảng Cộng sản Việt Nam theo một chiều chấp thuận, vì phần lớn các

đại biểu Quốc hội là đảng viên nên không thể làm trái với Đảng. Và “*bầu cử Quốc hội ở Việt Nam là hình thức*”, “*bầu cử chỉ là “màn kịch dân chủ” do Đảng đạo diễn, chỉ là hội nghị của Đảng mở rộng*”, v.v.. Cuối cùng họ kết luận: “*Quốc hội Việt Nam chỉ là công cụ của Đảng Cộng sản*”! Từ đó, đòi mở rộng dân chủ trong công tác bầu cử và hoạt động của Quốc hội; đòi Quốc hội phải độc lập với Đảng, phải thoát ly sự lãnh đạo của Đảng. Bởi, theo họ, Đảng lãnh đạo Quốc hội là Đảng đứng ngoài, đứng trên Hiến pháp và pháp luật, là biểu hiện mất dân chủ, chiếm quyền của dân, “*độc đoán*”, “*đảng trị*”, “*độc đoán thực hiện sự chuyên chính của một đảng*”, v.v.. Khi tìm hiểu ngọn ngành vấn đề thì không khó để “*bóc mẽ*” sự xuyên tạc thiếu khách quan và mưu đồ chính trị xấu

xa ẩn dấu đằng sau kết luận hồ đồ đó của các thế lực thù địch. Đáng chú ý là, một số cán bộ, đảng viên do lập trường chính trị không vững vàng, mơ hồ “vào hùa” với luận điệu xuyên tạc đó.

Lịch sử nhân loại đã chỉ ra, vấn đề cơ bản đầu tiên của bất cứ cuộc cách mạng nào đều là chính quyền nhà nước và đều phải trả lời câu hỏi: chính quyền đó thuộc về ai, do ai lập nên? ra đời, hoạt động vì ai? Câu trả lời cho những câu hỏi đó sẽ phản ánh sự tiến bộ, bản chất ưu việt của mỗi cuộc cách mạng xã hội. Đối với Việt Nam, xuyên suốt sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong bộ máy chính quyền cách mạng, Quốc hội luôn là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thay

mặt nhân dân quyết định những vấn đề hệ trọng của đất nước, v.v. Đó là thực tế không thể xuyên tạc.

Sự thật lịch sử không thể bác bỏ là, *bộ máy chính quyền nói chung,*

Quốc hội nói riêng là

thành quả của cuộc đấu

tranh cách mạng lâu dài,

gian khổ, hy sinh của toàn

thể nhân dân Việt

Nam. Cách mạng Tháng

Tám năm 1945 thành

công, nhiệm vụ trước

tiên và quan trọng hàng

đầu của dân tộc ta là xây

dựng bộ máy nhà nước

mới, thực sự là “công cụ

chủ yếu” để thực hiện

quyền làm chủ, thực thi

quyền lực chính trị - xã

hội của nhân dân, tổ

chức xây dựng và bảo vệ

chế độ xã hội mới. Ngay sau khi được

thành lập, mặc dù còn non trẻ lại

đứng trước muôn vàn khó khăn, thử

thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh,

chính quyền cách mạng đã đề ra

nhiệm vụ tổng tuyển cử để bầu ra

Quốc hội. Thắng lợi của Cuộc Tổng

tuyển cử đầu tiên ngày 06/01/1946 đã đánh dấu sự ra đời của Quốc hội Việt Nam, một thiết chế dân chủ đầu tiên tại Việt Nam. “Lần đầu tiên trong lịch sử, người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ đã trở thành công dân của một nước tự do, độc lập, tự quyết định vận mệnh của mình, tự lựa chọn và dựng xây chế độ Cộng hòa dân chủ; nước ta chẳng những đã trở thành một quốc gia độc lập mà còn có cơ quan đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, thay mặt nhân dân quyết định những công việc hệ trọng của đất nước”.

Kể từ đó, Quốc hội luôn không ngừng đổi mới trên các lĩnh vực hoạt động, đóng góp vô cùng quan trọng trong việc tạo lập nền tảng chính trị, pháp lý cho công cuộc kháng chiến - kiến quốc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế vì mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*. Thực tế đó đã minh chứng cho ý chí và quyền lực

của nhân dân đã được Quốc hội cụ thể hóa và thực thi; đồng thời, bác bỏ mọi luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Khi cho rằng, *“bầu cử Quốc hội ở Việt Nam là hình thức”, “bầu cử chỉ là “màn kịch dân chủ”* do Đảng đạo diễn; mỗi phiên họp Quốc hội chỉ là *“hội nghị Đảng Cộng sản mở rộng”*, các thế lực thù địch cố tình bỏ qua một thực tế là: bầu cử đại biểu Quốc hội ở Việt Nam tuân theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín để cử tri lựa chọn những công dân ưu tú trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội, đại diện cho các tầng lớp nhân dân và các dân tộc trên đất nước Việt Nam vào Quốc hội.

Đây cũng chính là quá trình mỗi công dân thực thi quyền lực chính trị - xã hội của mình, thực sự thụ hưởng giá trị của độc lập, tự do, dân chủ. Nhân dân tự do lựa chọn và bầu những người xứng đáng vào Quốc hội thay mặt cho mình, gánh vác việc nước; không có thế lực nào có thể ép buộc, mua chuộc. Theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín, bầu cử đại biểu Quốc hội ở Việt Nam thể hiện sâu sắc bản chất

của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ở đó, mọi người dân đều được thực hiện quyền công dân, tự do bầu cử, bình đẳng trong sử dụng phiếu bầu; mỗi người ứng cử đều có quyền và nghĩa vụ pháp lý như nhau trong tự ứng cử, vận động bầu cử; mỗi cử tri có một phiếu bầu đối với một cuộc bầu cử, giá trị phiếu bầu như nhau không phụ thuộc vào giới tính, dân tộc, tôn giáo, địa vị xã hội; cử tri trực tiếp thể hiện ý chí, nguyện vọng của mình qua lá phiếu (tự cầm lá phiếu của mình bỏ phiếu); cử tri trực tiếp bầu ra đại biểu của mình không qua một cấp đại diện nào; sự theo dõi và kiểm soát từ bên ngoài đối với cử tri bị loại trừ, v.v. Mọi hành vi vi phạm nguyên tắc bầu cử đều sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Thực tiễn cho thấy, mỗi kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội ở Việt Nam đều là một sự kiện chính trị trọng đại của đất

nước, là *ngày hội của toàn dân*, là ngày nhân dân Việt Nam thực hiện quyền làm chủ của mình trong xây dựng Nhà nước của chính mình với tỷ lệ cử tri đi bầu rất cao. Cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 bầu cử đại biểu Quốc

Đại biểu Quốc hội là những công dân ưu tú trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội, đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực, điều kiện theo pháp luật quy định, đại diện cho các tầng lớp nhân dân và các dân tộc trên đất nước Việt Nam do chính nhân dân (cử tri) bầu lên.

hội khóa I, bất chấp sự phá hoại điên cuồng của bọn phản động ở phía Bắc và cuộc xâm lăng tàn bạo của thực dân Pháp ở phía Nam, song đã có 89% cử tri tham gia bỏ phiếu trên phạm vi cả nước. Đặc biệt, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,57%. Thật

hiếm có quốc gia nào có tỷ lệ cử tri tham gia bầu cử để lập ra chính quyền nhà nước của mình cao như vậy.

Đại biểu Quốc hội là những công dân ưu tú trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội, đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực, điều kiện theo pháp luật quy định, đại diện cho các tầng lớp nhân dân

và các dân tộc trên đất nước Việt Nam do chính nhân dân (*cử tri*) bầu lên; sự “*ưu tú*” của họ là cơ sở tạo nên sự vững mạnh của Quốc hội. Điều 21, Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 quy định: “Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và Nhân dân cả nước; là người thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội”. Họ chịu trách nhiệm trước cử tri và Quốc hội về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn đại biểu của mình; bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội.

Mối quan hệ giữa đại biểu Quốc hội với cử tri là mối quan hệ gắn bó mật thiết, cùng chung ý chí, thể hiện trọng trách của đại biểu với cử tri. Tại Điều 27, của Luật này quy định: “Đại biểu Quốc hội liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; phổ biến và vận động nhân dân thực hiện Hiến

pháp và pháp luật”. Như vậy, trí tuệ của cử tri được phát huy, quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp được bảo đảm bằng pháp luật - sự bảo đảm vững chắc nhất. Đây là minh chứng rõ nhất về *quyền làm chủ* của nhân dân thông qua Quốc hội được thực hiện.

Hơn thế nữa, *quyền lực của nhân dân được khẳng định ngay trong thực tiễn tổ chức, hoạt động của Quốc hội Việt Nam*. Trong quá trình hình thành, phát triển và hoạt động, Quốc hội các khóa luôn kế thừa, phát huy truyền thống *trọng dân* của dân tộc ta và cụ thể hóa tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta: “Dân là gốc”, “Nước lấy dân làm gốc”, “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân”,... nhằm làm cho giá trị mệnh đề *dân là chủ* không ngừng gia tăng, hoàn thiện. Đó cũng chính là “nền tảng”, “sợi chỉ đỏ xuyên suốt” để Quốc hội thực hiện tốt chức năng lập hiến, lập pháp; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước; luôn xứng đáng là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất thay mặt nhân dân quyết định những vấn

đề trọng đại của đất nước và chịu trách nhiệm trước nhân dân về quyết định của mình.

Trên lĩnh vực lập pháp. Gần 80 năm hoạt động, Quốc hội đã thông qua 05 bản Hiến pháp vào các năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013. Đây là những đạo luật cơ bản của Nhà nước, quy định các vấn đề quan trọng nhất về quyền lực nhà nước, cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, v.v. Cùng với đó, Quốc hội đã ban hành các đạo luật là hệ thống quy tắc chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo mục đích, định hướng của Nhà nước; là cơ sở để đảm bảo an toàn, giải quyết tranh chấp trong xã hội; bảo đảm và bảo vệ quyền con người; bảo đảm dân chủ, bình đẳng, công bằng và tiến bộ, sự phát triển bền vững của xã hội. Mỗi dự án luật đều được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan, tổ chức liên quan chuẩn bị rất kỹ lưỡng, trách nhiệm, công phu qua nhiều vòng, nhiều bước; tiếp thu ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học và nhân

dân; được thảo luận, cho ý kiến tại các kỳ họp Quốc hội đến chín mươi sẽ được ban hành. Quá trình thông qua Luật Đất đai (sửa đổi) của Quốc hội khóa XV là một minh chứng.

Trong quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, Quốc hội luôn nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, xem xét khách quan, toàn diện, quyết định các vấn đề ngày càng hiệu quả, thực chất hơn, đáp ứng kịp thời yêu cầu của thực tiễn đổi mới và phát triển đất nước. Nổi bật là: Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 1986 - 1990 đã khởi xướng cho đường lối phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới; Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1991, làm yên lòng dân trong bối cảnh đất nước và quốc tế có nhiều xáo trộn phức tạp, kiên định đường lối đổi mới, chuyển sang cơ chế thị trường, phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế. Cùng với đó, nhiều công trình, dự án trọng điểm quốc gia đã được Quốc hội quyết định tạo đòn bẩy cho sự phát triển của nền kinh tế nước ta, như: đường dây tải điện 500KV, đường Hồ Chí Minh,

thủy điện Sơn La, sân bay Long Thành, cao tốc Bắc - Nam và nhiều công trình trọng điểm khác của đất nước, v.v. Mỗi quyết định được đưa ra là kết quả của quá trình tính toán cẩn thận, thảo luận dân chủ, tranh luận cạnh kẽ, lấy lợi ích nhân dân và quốc gia dân tộc làm tối thượng.

Thực hiện chức năng giám sát tối cao. Quốc hội đã nêu cao trách nhiệm thực hiện giám sát thông qua nhiều hình thức, phương pháp, như: xem xét các báo cáo của các cơ quan và cá nhân liên quan; giám sát theo chuyên đề, thông qua thực hiện chất vấn, giải trình tại các kỳ họp của Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, v.v.. Qua đó, đã giúp cho việc hoạch định chính sách ở tầm vĩ mô và quyết định những vấn đề quan trọng trong các lĩnh vực cụ thể, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của cử tri và nhân dân cả nước.

Những thành tựu của Quốc hội, của cách mạng Việt Nam đã khẳng định, Quốc hội luôn gắn bó chặt chẽ với nhân dân, nhận sự ủy thác từ nhân dân, thực sự là hiện thân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân

dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đó là sự thực, chân lý và là bằng chứng đanh thép bác bỏ mọi luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động rằng: Quốc hội Việt Nam chỉ giữ vai trò biểu quyết thông qua các quyết định của Đảng Cộng sản Việt Nam mà không thực hiện quyền lực của nhân dân.

Với dã tâm chống phá cách mạng Việt Nam, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị đã bất chấp thực tiễn, cố tình đánh tráo khái niệm, làm lộn sòng một cách lộ bịch về bản chất và tính chất của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền tư sản khi cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam đứng trên Hiến pháp, pháp luật và đòi từ bỏ sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội Việt Nam, nhằm trực tiếp công kích, hủy hoại mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, chia rẽ Đảng với Nhân dân. Ở đây, họ hạn hẹp về nhận thức hoặc cố tình lờ đi sự khác nhau về bản chất giữa nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền tư sản là ở sự lãnh đạo của

Đảng Cộng sản đối với Nhà nước; ở tính chất của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Giữa Đảng và Quốc hội thống nhất ở mục tiêu xây dựng đất nước độc lập, tự do “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đảng Cộng sản Việt Nam vì nhân dân mà ra đời, lãnh đạo cách mạng, đưa dân tộc ta thoát khỏi kiếp nô lệ lầm than, vươn lên làm chủ, xây dựng cuộc đời ấm no, tự do, hạnh phúc.

Nhân dân Việt Nam đã lựa chọn, tin yêu và trao cho Đảng Cộng sản Việt Nam quyền duy nhất lãnh đạo, duy nhất cầm quyền; một lòng một dạ theo Đảng, đoàn kết dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, làm nên những kỳ tích vĩ đại và những thành tựu có ý nghĩa lịch sử to lớn. Đó là bản chất và nội dung cốt lõi của mối quan hệ mật thiết giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân. Quốc hội ra đời và

tồn tại trước hết là thể hiện và thực hiện quyền lực, ý chí của nhân dân, tạo lập nền tảng chính trị - pháp lý cho sự tồn tại, hoạt động và phát triển của nhà nước và xã hội. Thông qua Quốc hội thì quyền lực và ý chí của nhân dân sẽ trở thành quyền lực và ý chí của nhà nước, thể hiện bằng các đạo luật mang tính bắt buộc toàn xã hội.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội là sự lãnh đạo đối với một tổ chức trong hệ thống chính trị và Đảng là một thành tố trong hệ thống ấy, chứ Đảng không đứng trên Quốc hội và Nhà nước, như những luận điệu gán ghép, xuyên tạc.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội đã được hiến định rõ từ bản Hiến pháp (năm 1980) và xuyên suốt trong các bản Hiến pháp sau này (năm 1992 và 2013), đó cũng chính là sự ghi nhận, sự thừa nhận của nhân dân Việt Nam.

Điều 4, Hiến pháp (năm 2013)



Tác giả: Đỗ Như Diễm - Thái Bình

quy định rõ: “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”; “Các tổ chức Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”.

Sự hiến định của Hiến pháp thể hiện rõ hai vấn đề rất cơ bản, có quan hệ chặt chẽ với nhau: *một là*, lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội là ai; *hai là*, lực lượng lãnh đạo đó hoạt động và thực hiện sự lãnh đạo như thế nào. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội Việt Nam; nhưng đồng thời, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Mọi hoạt động lãnh đạo của Đảng, của các tổ chức đảng, đảng viên đều được thực hiện theo Hiến pháp và pháp luật,

tuyệt nhiên không “đứng trên Hiến pháp và pháp luật” như những luận điệu xuyên tạc, kích động mà các thế lực thù địch, phản động vẫn rêu rao.

Đảng thực hiện phương thức lãnh đạo phù hợp, đảm bảo tính đại biểu nhân dân và luôn nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội. Với vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của Quốc hội trong bộ máy nhà nước, đòi hỏi không những phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, mà phương thức lãnh đạo của Đảng cũng phải phù hợp, bảo đảm phát huy được vai trò cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, bảo đảm cho ý chí của Đảng và lòng dân do Quốc hội đại diện luôn được thống nhất.

Đảng lãnh đạo Quốc hội bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết, quyết định với hệ thống nguyên tắc về các vấn đề hệ trọng của đất nước; không chỉ đạo các công việc cụ thể của Quốc hội. Đảng tôn trọng và phát huy vai trò của Quốc hội với tư cách là cơ quan dân cử, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, không đứng trên Quốc hội. Đảng là lực lượng hướng dẫn, định hướng nội dung và phương

thức hoạt động, không làm thay Quốc hội. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội bao gồm những nội dung cơ bản quan hệ chặt chẽ và thống nhất với nhau, như: Đảng lãnh đạo, định hướng hoạt động lập hiến, lập pháp của Quốc hội; lãnh đạo việc xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ cho công tác lập pháp của Quốc hội; lãnh đạo Quốc hội ban hành các đạo luật và pháp lệnh cụ thể; lãnh đạo Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; lãnh đạo Quốc hội thực hiện chức năng giám sát tối cao toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội càng đổi mới, dân chủ, phát huy được vai trò, chức năng của Quốc hội, thì Quốc hội càng thực quyền hơn; và do đó, hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, Nhà nước và xã hội càng cao hơn. Trong thực tiễn, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn không ngừng đổi mới tư duy về phương thức lãnh đạo đối với Quốc hội nhằm phát huy cao nhất và tăng cường tính nhân dân trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, làm cho hoạt động của Quốc hội thực quyền và hiệu quả hơn.

Đảng luôn thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, trong đó, có đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước; phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên; tuyên truyền, giáo dục, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chấp hành nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng làm cho tổ chức và hoạt động của Quốc hội vì nhân dân hơn, thực quyền, hiệu quả hơn.

Thực tiễn gần tám thập kỷ qua đã khẳng định, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Quốc hội là nhân tố quyết định bản chất Quốc hội, bản chất Nhà nước và nền pháp chế xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Giữa Đảng và Quốc hội có tính độc lập tương đối. Quốc hội thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng, bảo đảm sát thực tiễn, phù hợp với từng giai đoạn của cách mạng Việt Nam.

Quốc hội đã ban hành 05 bản Hiến pháp; đây là những văn bản chính trị - pháp lý quan trọng làm nền tảng để

cho công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Mỗi bản Hiến pháp đánh dấu một sự chuyển mình của đất nước. Nhờ đó, đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, có được “*cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế*” như ngày hôm nay. Sự thực đó không thể xuyên tạc, bóp méo!

Sự ra đời, phát triển của Quốc hội Việt Nam là thành quả đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng và tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mỗi khóa Quốc hội đều khẳng định rõ được vị trí, vai trò của mình, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, quyền hạn theo Hiến pháp và pháp luật trong từng giai đoạn phát triển của đất nước, để lại dấu ấn và tình cảm tốt đẹp trong lòng cử tri và nhân dân cả nước. Thành quả ấy là cả quá trình Quốc hội luôn đổi mới, kiến tạo, hành động vì nhân dân, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Thực tế đó quá rõ ràng và là câu trả lời thích đáng, bác bỏ mọi luận điệu bịa đặt, xuyên tạc hồ đồ về Quốc hội Việt Nam của các thế lực thù địch, phản động ■